

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Bào quán ở chùa Quán Sĩ N 73 Rehaud, Hanoi



Chủ nhiệm : Nguyễn Văn Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản lý : Cung Đình-Bình

Chủ bút : Phan-chung-Thú
Sư cụ chùa Bằng-Số
Phó chủ bút : Dương-văn-Hiếu
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

Phương danh quỹ cụ và quỹ ngài
cúng tiền tậu ruộng
(liếp theo)

Trụ trì chùa xã Ngọc chấn	1\$00
Trụ trì chùa xã Đông mỹ	1.00
Sư ông đương gia chùa Xuân bản	1 00
Trụ trì chùa Mỹ trợn	1.00
Trụ trì chùa Lưu phố	1.00
Trụ trì xã Đệ tứ	2.00
Trụ trì chùa Phong ộc	2.00
Trụ trì chùa xã Giảng tả	2.00
Trụ trì chùa Phúc lý	5.00
Trụ trì chùa Phúc lý	3.00
Trụ trì chùa ... hú ốc	3.00
Trụ trì chùa Nãng tìh	3.00
Trụ trì chùa Cao đạinh Nam định	3.00
Trụ trì chùa Cộng tề	1.00
Trụ trì chùa Đông h	1.00
Trụ trì chùa Mạnh tư	3.00
Trụ trì chùa Hà-cát	3.00
Trụ trì chùa Ngọc c	2.00
Trụ trì chùa Hội Khbổi	1 00
Trụ trì chùa Hoànhba chính	1.00
Trụ trì chùa Hoànhba thượng	2.00
Trụ trì chùa xã Cồ-át	2.00
Trụ trì chùa xã Nhượng	1.00
Vô trụ tự Thanh tì	1.00
Trụ trì chùa Tăng ống	1.00
Cụ Thọ trụ trì chùa ao sá Thanh hà Hải-dương	20 00
Hòa thượng trụ trì chùa Quế phương Hải hậu	

Nam định 20.00

(còn nữa)

*Nhà Phật-học nước Mỹ nói
về đạo Phật Trung-quốc*
(tiếp theo)

Cái giáo-tương giản-yếu của tông này đã lược dù ở trong sách « **Nhiếp Đại-thừa luận** 攝大乘論 (Mahayana-samparigraha-sutra) của Ngài Vô-chức. Bài luận này bắt đầu tiêu yết lên cái nghĩa cốt-yếu để biểu cho nghĩa **thập-tướng thù-thắng** 十相殊勝 của Đại-thừa. Rồi giải đến cái nghĩa duyên-khởi của A-lại-gia và thứ-độ hành-quả, A-lại-gia có nghĩa là hàm-tàng. Vì cái thức này nó nhiếp tàng cả hết thấy những chủng-tử rất vi-tế, và nó cứ cuộn-cuộn trôi đi như giòng nước chảy. Tức là nó bao-tàng hết thấy mọi cái nguyên-tố mà mọi pháp đều bởi đó mà ra.

Cái thức này cũng gọi là A-dà-na-thức (Adana), nghĩa là trấp-thụ 執受, nó như một cái kho lớn, nhiếp-thụ hết thấy những « **kiết-ma chủng-tử** » vào đó, đến khi thành thực thì quả nó mới phát-sinh ra. Hết thấy giống hữu-tình, chết đi sống lại nối liền nhau, vì có cái tập khí của mọi nghiệp-chủng trứa lại ở đó để làm nguyên-nhân, tới khi quả đã chín, duyên đã đủ, mới tụ ngũ-uẩn lại mà hiện thành thân-mệnh. Thế nhưng mà bầu-thể của cái thức này nó vẫn vắng lặng, khi nó bị cái thức mặt-na và các cái thức hiện-hành khác hun xống vào mà trứa làm chủng-tử chi-đợi cơ duyên thì hiện ra. Như thế là những thức hiện-hành lại hun thành ra chủng-tử, cứ nối nhau mãi không thôi. Đến bao giờ chuyền được cái thức ấy thành ra chấb-trí. Chính-trí đã sinh ra thì sự mê hoặc tự tiêu diệt, bấy giờ mới đoạn xả được hết thấy.

XXX. — Thuyết tam thân

Phái Tam-luận-tông lập ra thuyết nhị-thân. Một là đấng Giáo-chủ trên lịch-sử, tức là ứng thân (Nirmanakaya).

Một là pháp thân về bản-thể (Dharmakaya) Pháp Du-già này thì lại lập ra một viên mãn báo-thân (Sambhagkaya) để liên-lạc ở giữa hai thân trên ấy, là ứng thân. thì lại là cái đềm mà Đại-thừa Phật-giáo rất chú-ý đến.

Ứng thân đã chuyển sang làm báo thân thì thân ấy do cái đời lịch sử mà liên-tiếp sang cái đời vĩnh-viễn. Cái tư tưởng này ý hẳn cũng do ở người Ấn-độ thấy cái quan-niệm về lịch sử mà đem cái tính vĩnh-cửu thay vào cái tính thời gian chăng ?

XXXI. Tu tập về phép Du già

Như trên đã nói ta đã lược thấy chỗ cống-hiến về giáo-nghĩa của Du-già tông rồi, nhưng đến chỗ quan-hành ra thực-tế thì ta thấy phái này lại càng coi làm trọng yếu lắm. Là vì phái này an-ủi được chỗ khát-vọng của lòng người, cho người ta vui mà tới chỗ cảnh giới tu hành. Phái biết rằng những lời nói cách trừu-tượng ở trong chỗ học-vấn nó khó khăn ít thú vị, nó khó làm mãn túc cho chỗ tâm-lý phổ-thông. Thế mà phái khác thì người ta cố sùỵ cho tông-đồ về cái cảnh cực-lạc ở phương xa kia họ mô-tả không còn thiếu tí gì. Họ lại thường lấy những sự-thực về khách-quan (Objecsive fact) để cật-vấn lại, thì cái đạo tu tập phép Du già của phái này ra đời chính là vừa ứng với thời cơ vậy.

Vả cái phép tu tập Du già cũng là cái thói quen của Ấn độ từ cổ, nó ảnh hưởng cho Phật giáo không phải là ít. Nay phái Du già này thái dụng phép ấy để làm chỗ cốt-gốc tu tập, là một việc rất tiện lợi lắm. Vì rằng phái này đã hiểu và đã tin cái tính tướng a lại gia thức đề cầu lên tới cõi vô thượng bồ đề, thì tất phải tu tập cho siêng, cho trải qua hết thấy những hành vị 行位 của Bồ tát đạo.

XXXII. Kinh Lăng-già 楞伽

Kinh Lăng-già (Lankavatora Sutra) là bộ kinh rất trọng-yếu của phái Du-già. Kinh này giáo-hóa cho bậc Bồ-tát chuyển vào ngôi Phật, dạy rằng phải hiểu thấu

hết thấy mọi phép đều không lìa khỏi tâm ta, hết thấy mọi cõi chúng sinh đều như đối như mộng; đều bởi những thói quen hư ngụy, tướng càn trấp bậy, thành ra nghiệp chướng, nhiễm vào thành ra tạng thức (tức là A-lại-gia thức), như nước bề nổi thành-sóng, hiện ra cái thân hư huyền mà thụ sinh ra đời, rồi cứ bị chuyển vận đi mãi mãi. Nếu ai chứng được cái thánh-trí tự giác thì cái thức ấy nó mới không bị lưu chuyển nữa. Vì nhân duyên này, nên phái Du-già mới có những thuyết « Ngũ pháp 五法, tam tự tính 三自性, bát thức 八識, nhị vô ngã 二無我, và cái tướng cứu cánh phân biệt 究竟分別相, để người ta theo thứ độ mà tu hành hiểu được hết thấy Phật-pháp, rồi lên tới đất tự giác của Như-lai, lìa xa cả những ý kiến « có với không, đoạn với thường », hiện mình được hưởng thú vui của đạo pháp. Vì vậy mà bậc Bồ-tát phải nên tu học.

Xem như trên ấy, ta thấy chỗ quan niệm của bậc Bồ-tát trong Đại-thừa Phật-giáo, tuy tiếng rằng giữ chủ-nghĩa lợi tha mà có khi cũng gần giống như chủ-nghĩa tự lợi của bậc A-la-hán. Từ thế kỷ thứ 4, 5 (Khoảng đời Tấn, Tống), những học giả trong đạo Phật ở Ấn-độ hội nhau ở chùa Na-lan-dà (Nalada) và ở nơi tinh-xá đảo Tích-lan (Viharas of Ceylon) cùng hết sức nghiên cứu về cái học vụn vặt mà phiền phức. Họ bỏ họ không cần gì đến những hành nguyện của Đức Phật Đà. Ấy vì những cái nghĩa tiêu-cực mà tham u ấy rồi kết quả chỉ số đặc những điều « lý luận phủ định 否定 « không quyết định » mà thôi. Thế mà khiến được cho người ta phải vất vả cả tâm và lực, bo bo mãi miết để theo từng bậc của cái lý luận phủ định mà tiến mất lều. Như vậy thực không ai còn hiểu ra có làm sao. Thuyết duy-thức (Vijñānavada) của phái này tiêu-yết lên thực là một thuyết lý luận về duy tâm đó. Cách lý luận này với cách lý luận phủ định của phái Tam-luận-tổng không khác gì vậy.

XXXIII. — Tam giới giáo

Du-già-tông (Pháp-tướng-tông) do Ngài Huyền-trang thâu thái vào Trung-quốc Sau đời lưu truyền sang Nhật-bản. Ngài Huyền-trang từng thụ nghiệp Ngài Giới-hiền (Silabadhra) luận sư. Luận-sư nói Đức Phật giảng giáo có ba thời kỳ : Thời kỳ thứ nhất. Ngài dạy về nghĩa « có 有教 », là đề thuyết pháp cho bậc Tiểu thừa sinh hứng thú, lấy cái nghĩa « ta là có, pháp là không 我有法空 », đề đối phá cái nghĩa pháp trấp 法執. Thời kỳ thứ hai, Ngài dạy về nghĩa « không 空教 », là đề thuyết pháp cho bậc Đại thừa sinh hứng thú, lấy cái « mọi pháp đều là không 諸法皆空 » đề đối phá cái nghĩa pháp trấp. Đó tức là bài duy tâm luận về chủ quan (Subjective Idealism). Thời kỳ thứ ba. Ngài dạy về trung đạo 中道教, Ngài thuyết pháp về cái nghĩa « chẳng phải là không, chẳng phải là có 非空非有 », đề phá cái trấp mêch về có và mêch về không 偏有偏空. Tam thời giáo là như thế.

XXXIV — Di lặc Bồ-tát

Những kinh-luận của phái Du-già y chỉ còn có hai thứ trọng yếu nữa. Một là sách Du-già-sư địa luận 伽瑜師地論 (Igoacarabhurni Sastra). Sách này nói ra là của Di-lặc Bồ-tát (Bodhisattva Maitreya) làm ra, trong nói tường về nghĩa thập địa để tỏ rõ những vị thứ tu-hành. Một là sách Đại-thừa trang-nghiêm-luận (Mahayan-Lankara Sastra) của Ngài Vô-chữ làm ra, vừa lời kệ vừa lời giải thích đề biên chương công đức của Đại-thừa. Trong có một phẩm Bồ đề là giản yếu hơn cả. Phẩm ấy nói « chuyển tám thức để thành bốn trí, thu bốn trí cho đủ ba thân », giải thích rất là tinh vi, mẫu nhiệm, rất đáng cho đời phải tham khảo đến. Phái này tôn Ngài Di-lặc là một vị Giáo chủ sẽ thay cho họ Cù-đàm về sau này. Hạng của phái này đã thịnh-hành được vài trăm năm. Từ nước Kiện-đá-la 健駄羅 (Gandhara) mé nam Ấn-độ đến nước Cao-ly, đến nay còn có thể tìm thấy di tích ở sự tạo tượng

Ngài Di-lặc. Trước điện Phật ở các chùa bên Tàu, trông thấy một pho tượng Phật béo phệ miệng cười bốn-bờ thì ai cũng phải sinh lòng vui mừng. Chùa Cao-giả sơn (Koyasan), Nhật bản, thờ các tượng Phật về Mật-tông cũng tin cái thuyết đời Đức Di-lặc giáng sinh. Là vì Mật-tông cũng do phái Du-già chuyển biến ra, (chỗ này bản Han dịch chưa rằng : Theo sách Cương-linh của Mật-tông nói : Xứ Trung Ấn-độ chịu giáo-hóa của hai Ngài Vô-chứ và Thiên-thân, thịnh hành về học thuyết Du-già, Duy-thức và Pháp-tướng. Ngài Kim-cương-trí sở-đắc về Mật-giáo ở phái này, cho nên sang Tàu. Ngài dịch kinh Nghi-quĩ thì Ngài dùng nhiều những lời thuật-ngữ trong bộ Pháp-tướng. Đến đệ-tự Ngài là ông Pháp-không cũng bắt chước cách ấy. Xứ Nam Ấn-độ thì thịnh-hành về giáo-hóa phái Không tông của Hai Ngài Long-thụ và Đề-bà. Ngài Thiện-vô-úy sở-đắc về Mật-tông ở phái này Cho nên sang Tàu, Ngài dịch kinh Nghi-quĩ thì Ngài dùng nhiều lời thuật-ngữ ở những bộ như Trung-luận và Trí-độ Thế thì Mật-tông ở Tàu là hòa hợp cả hai chủ-nghĩa « không với có », chứ đừng thấy trong Mật-tông có thờ tượng Di-lặc mà cho rằng chỉ do một phái Du-già chuyển biến ra đâu).

XXXV. - Mật tông

Truyền Mật-tông vào cho Trung-quốc là những Ngài Thiện vô úy 善無畏 (Subhakarā). Kim-cương-trí, 剛金智 Vajrabodhi, Bất không 不空 (Amogha). đều ở Nam Thiên-trúc sang (vào hồi Đường khai-nguyên) và ngay lúc ấy lưu hành thịnh-lắm. Phái này sở dĩ được thịnh hành được ở Trung-quốc là nhờ có rất nhiều cơ. Như nói về phương diện tịch cực thì lối huyền giáo 玄教 của phái Đạo-gia Trung-quốc đã gây sẵn cái nền ra rồi. Còn về phép Phật thì những thầy thông cảnh giới ở kinh Pháp hoa cũng đã dịch ra từ trước. Lại những sách luận của Ngài Vô-chứ thì đến thế kỷ thứ 6 (Nam Bắc triều) mới dịch và để đưa đường cho Mật-tông. Như nói về phương diện tiêu cực thì đạo luận-lý của nhà

Nho và phép giáo-chứng của nhà Phật, thấy đều không đủ cung cho sự nhu-cầu về tông giáo của dân chúng, cho nên Mật-tông được nhờ dịp mà khởi lên đề bù vào chỗ thiếu thốn đó. Lại về đường mỹ-thuật, Mật-tông cũng giúp ích được nhiều. Bác-sĩ Tỷ-kỳ, nhật-bản thường nói : « Mật-tông nổi danh là ở nghề vẽ rất tinh xảo và nghề điêu khắc rất hùng vĩ. Vậy thì Mật-tông có công với khoa mỹ thuật không phải là ít. Đến như cái quan-niệm « vạn hữu nhất thể 萬有一體 » (Pantheism) của phái Mật-tông này, tuy không khởi có chỗ lưu-lệ, nhưng phái này thuyết minh được cái đức tính « pháp nhi bản hữu 法爾本有 » (Pháp vốn có tự nhiên) để quán triệt cả thế giới cho nảy nở sinh khí ra thực đáng gọi là một chủ nghĩa duy-tâm về quan niệm vạn hữu nhất thể.

D. N. T.

BÀI ĐÁP TỪ CỦA SA-MÔN THÁI-HÒA

đọc tại chùa Quán-sứ ngày mồng 1 tháng 11
năm mậu-dần trước khi khởi hành sang Cao-miền
nghiên cứu Phật-học

Nam mô A-di-đà Phật

Kính bần cụ lớn Chánh-hội trưởng,

Kính bạch liệt vị Hòa-thượng và chư tăng,

Thưa các giáo hữu,

Nhờ ơn Phật tổ gia hộ, nhờ lòng tinh tiến hoằng đạo của các ngài, mà hiện nay cái thành thể của hội Phật-giáo Bắc-kỳ ta đã mở rộng con đường giao tế cũng do thế mà ngày một rộng thêm. Các hội Phật-giáo ở viễn động đã lần lượt bắt tay nhau để trao đổi ý-kiến, các báo chí Phật-học ở Đông-dương đã hờ hào tổ chức Đông-dương Phật-giáo tổng hội. Hiện nay có vị Tỷ-khưu Bang-khát ở Cao-miền lưu trú ở hội quán hội

ta, tuy rằng ngôn ngữ chưa đồng, nhưng tình liên lạc đã thấy tỏ ra khăng khít, nhờ cái cơ hội ấy mà hai anh em chúng tôi được cái bản hạnh toàn hội cử sang Cao-miền trước là tổ tịch liên lạc với giáo hội Cao-miền, sau là nghiên cứu Tiểu thừa Phật-học. Chúng tôi tự biệt tài hèn trí thiển, kiến văn còn chật hẹp, đi ra chưa chắc khảo cứu có được tình thông để khỏi phụ cái thịnh tình của toàn hội đã cử đi sang, ngặt vì hiện nay các vị thanh niên học thức trong tầng giới phần nhiều còn bận bịu uên vạn bất đắc dĩ mà hai anh em chúng tôi phải vắng mặt toàn hội ra đi, mong rằng các ngài cũng thể lòng đại từ đại bi đại hỷ đại xả mà lượng thứ cho.

Thưa các ngài, Phật-giáo ở ta là do thụ ảnh hưởng ở Trung-quốc, các vị học Phật ở Trung-quốc, đã sẵn có cái căn khí đốn giáo đại thừa, cho nên sau khi Phật-giáo ở Ấn-độ truyền sang Trung-quốc thời thật là phát huy quang đại, tận thiện tận mỹ, sự kết quả đó là nhờ ở bản học mà ra, cho nên các vị Cao-lăng, các nhà cư sĩ ở Trung hoa muốn điều hòa cả tam giáo, thường xướng ra thuyết Tam giáo nhất nguyên, Tam-giáo nhất lý, nói rằng Tam-giáo bổ hóa cho đời như như thiên tam quang, như đỉnh tam túc, thiếu một không được, thật là một nền giáo hóa bổ ích cho đời có một không hai. Tiếc rằng gần đây Phật-giáo ở ta bị cái tập quán mê tín thần giáo phụ họa vào, khiến cho một giáo pháp trang nghiêm đã pha đủ mọi đường dị đoan phức tạp.

Còn Phật-giáo ở Cao miên là do ở Tích lan truyền vào. Sau khi Phật diệt độ ít lâu, ở Ấn-độ có bà Thắng-man phu nhân là con gái vua A-dục mộ đạo xuất gia, thâm đắc học thuyết tiểu thừa; tự tay bà bẻ cành Bồ-đề ở chỗ Phật-ngồi thuyết pháp mang sang Tích-lan đồng, rồi truyền bá tiểu-thừa Phật ở đấy; hiện nay cây ấy vẫn còn, mà các nước theo Tiểu-thừa Phật

giáo vẫn còn chu nguyên thuận tủy không bị các giáo khác nhuộm phai mà cũng không bị trào lưu thay đổi, cho nên chư tăng vẫn còn tri giới khất thực mà quốc dân vẫn gia công bà thí cúng dàng, người tu hành đã không phải tạo tác sinh nhai, thời sự hành đạo cũng có phần dễ dãi.

Chúng tôi ước ao rằng rồi đây, theo Tôn-chỉ của hội, hội sẽ cử các vị thánh niên trong tăng giới sang trường khảo cứu Phật-giáo bên Pháp Sang Trung-hoa, Nhật-bản, Diển-điện, Tích-lan, Xiêm để thu góp lấy cái tinh thần Phật giáo, rồi về kết nạp tăng già, dựng nền tín ngưỡng duy nhất cho tín-đồ biết nơi qui hướng thời thật là hạnh phúc cho tiền đồ giáo hội xứ ta biết là nương nào, trước khi tạm biệt, chúng tôi xin kính chúc các Hòa thượng và các ngài phật thể an khang, tinh tiến con đường hoằng pháp chúng tôi lại xin cảm ơn quan Tham Giáp ngài giữ các trách nhiệm ngoài giáo cho hội ngài đã thu xếp cho cuộc khởi hành của chúng tôi được mọi phần chu đáo.

VĂN UYÊN

KÍNH BỘ NGUYÊN VẬN

của Thục-đức bồ-tát

*Khát-khao vì đạo phải tìm xa,
 Có chí thì nên chẳng khó mà.
 Quốc-độ tuy chia bờ cõi khác,
 Pháp-môn cũng một gốc nguồn nhà.
 Bồ-đề gắng luyện cho tròn quả,
 Bát nhã rồi đây tất nở hoa,
 Công đức đội ghi trong Trúc-gián,
 Danh thơm muốn thủa hội đồng hòa.*

Sá-môn Thanh-Hòa

SANG CAO-MÊN THAM HỌC

Phật học nơi nơi hội chấn hưng,
 Tiếng chuông cảnh tỉnh đã vang lừng.
 Nam tông muốn hỏi thêm nguồn gốc,
 Chi quản ra khơi với lặn rừng.

Sa-môn Thanh-Giản

Bài đáp câu hỏi của
 ÔNG TỊNH-THỦY

Trước khi giả nhời câu hỏi của ông Tịnh-thủy Hải-dương (Sống đề làm gì). Tôi xin chân chọng cảm ơn ông về câu hỏi đích đáng ấy không những khiến cho hai ta là người hỏi mấy người đáp lại được vui lòng thỏa dạ mà lại khiến cho bao nhiêu người mong mỏi được nghe câu giả nhời Sống đề làm gì mà không những đôi ta không hiểu, đã làm người ở vào cuộc đời chưa chắc mấy người đã hiểu được, tôi đây vẫn thường bán khoán về câu ấy không biết hỏi đâu, may sao mới được xem một chương sách ở Vô-thủy nguyên kinh nói rõ ràng về người sống ở đời, lại may nữa là có tờ báo Đuốc-tuệ cho nên ta mới được mượn lửa thắp đèn thật là nhân duyên đun đầy thật. Cái cảm tưởng của tôi đối với câu hỏi của ông Tịnh-thủy bao nhiêu thì lại xin cảm tạ báo Đuốc-tuệ bấy nhiêu vì có báo thì nhời nói mới khấp ra xa gần.

Hỏi : Sống đề làm gì ?

Giả nhời : Sống đề làm người.

Làm người rất là quý báu, người linh hơn vạn vật, người sáng mấy giờ đất là tam tài, giời thuần dương mà đất thì thuần âm, nhưng người được cả khi dương khi âm mà thành người, cho nên Phật thánh tiên hiền đều là người làm nên cả, người tu thành cả. Chúng ta nay được làm người là ta may mắn vô cùng, vậy ta nên làm hết chức trách của đời ta, vì dụ ta là vua thì ta nên chính

tâm thương dân kính các quền thần, thân ái mấy mọi nước ngoài, mà ta là bầy tôi thì ta nên trung thành mấy vua và thương dân, không ý quyền thế nạt người, không bề phải ra chái hại người, ta là bố thì ta nên từ tâm thương các con giai gái mà phải giầy bảo cho nghiêm chỉnh, mà ta làm con thì ta nên hiếu thuận mấy cha mẹ chiều ý cha mẹ, dù cha mẹ già khó tính khó nết thì ta phải nghĩ có cha mẹ thì mới có ta, nếu ta làm vua làm quan giàu sang thì cha mẹ ta tuy dở nhưng là cha mẹ vua quan giàu sang đó, ta là anh thì ta nên nhường quý em, ta là em thì ta nên kính sợ anh, ta là chồng thì ta nên đứng đắn, không rượu chè-be bét giai gái cờ bạc thuốc soi mà kính quý vợ, mà ta là vợ thì ta nên thuận phục ý chồng khuyên răn đều phải, ta là bạn bè thì nên lấy nghĩa phải giúp đỡ lẫn nhau, thành tín lẫn nhau, nếu ta là người làm ruộng thì ta nên chăm chỉ làm ăn không lãn bỏ không ăn cắp nước, nếu dúp được bạn đồng nghiệp điều gì nên làm đều ấy, nếu ta đi làm nghề gì thì ta cũng đều giữ nền chung chính, không ăn gian không nói dối, nếu ta đi buôn thì ta nên cân đẩu thăng bằng, thước đo đúng mực, hàng thật thà, giá phải chăng, nếu ta làm cu-ly xe thì ta nên đưa người đến nơi kéo người đến chốn, giá cả phải chăng, không bắt bớ không kéo nài, nếu ta đi tu thì ta nên chăm kính kệ, nghiêm giới luật mình trị lấy mình, tu thành chính giác.

Phật có câu rằng : Chúng sinh giai khả thành Phật.

Nho có câu rằng : Nhân nhân khả vi Nghiêu Thuấn,

Kinh Đức-quan-Đế có câu rằng : Thế thượng bất tề đẳng sự, toàn bằng nhất điểm chân tâm.

Những câu ấy đều là giúp ta biết lối làm người cả, tức là giải đáp câu hỏi sống để làm gì đó.

Viết xong bài này lại xin cảm ơn ông Tịnh-Tĩnh về câu hỏi cảm tạ báo Đức-Tuệ về đăng bài giải đáp cho công chúng được nghe,

Cổ-sơn-Nhân

Kính bạch

Nhà tôi với tục đốt vàng mã

Phàm khuyên ai làm việc gì hay là cải cách việc gì không cứ nhơn nhờ ta phải tự hỏi mình trước. Nghĩa là mình tự hỏi mình về việc ấy mình có nên làm không mình có thể làm được không, hơn nữa là mình đã tự làm rồi, đã tự đổi bỏ rồi, thì các việc mình khuyên người ta làm ấy mới không phải là đổi đời đáng hồ thẹn và mới mong có cảm ứng. Bởi vậy tôi viết bài « Nhà tôi với tục đốt vàng mã » này là để tự hỏi mình bỏ hào bỏ tục: đốt vàng mã không phải là đổi đời, chính mình không làm được mà đi khuyên người khác làm.

Nhà tôi bỏ tục đốt vàng-mã đã lâu, tôi còn nhớ ngày tôi còn nhỏ, thấy thầy (cha) tôi rất công kích cái tục đốt vàng mã là tục mê tín một cách vô-lý và đã bỏ hẳn tục ấy. Phàm trong nhà có cúng đồ tể tiên hay cúng thần Phật đều không dùng vàng mã. Trong họ ngoài làng không ai biểu đồng-tình với thầy tôi về việc ấy, cho là làm một sự tội lỗi với quý-thần, nhất là các cô tôi rất lấy làm oán thán cho nên mỗi khi đồ tể, trong nhà lại giở ra cuộc tranh luận giữa thầy tôi với các cô tôi. Thầy tôi đem mọi lẽ giả dối của vàng mã và nói không có Phật Thánh nào dạy đốt vàng mã giảng nói cho các cô tôi nghe. Các cô tôi trước còn cãi sau thấy thầy tôi nói cương quyết thì nể phải thôi nhưng trong lòng vẫn ân-hận, thương hại cho tể tiên không có tiền tiêu. Rồi mọi người nói nhỏ với nhau những câu chuyện cảm động về sự bỏ vàng mã mong thầy tôi hồi tâm. Như nói có một ông quan bèn đạo vì thương cha nhớ mẹ mượn thầy đánh đồng thiệp xuống âm ty tìm, lúc tỉnh giấc ông quan ấy nói gặp cha mẹ nhưng túng thiếu và rách rưới lắm. vì con cái trên trần không đốt vàng mã cho như những cha mẹ bèn đời Ông quan ấy liền mua vô số vàng mã đốt cho cha mẹ, ông quan ấy lại thiệp xuống thì thấy cha mẹ giàu có lành lặn. Câu chuyện ấy đến tai thầy tôi, thầy tôi chỉ đáp lại bằng một nụ cười và nói : « Đó là câu chuyện của anh hàng mã bịa ra đổi đời cho đất hàng. »

Thực thể Thực là câu chuyện anh hàng mã bịa ra cho đất hàng. Theo như nghĩa đạo Phật thì người ta khi chết đi, nếu thần hồn có phước đức thì được siêu thăng, bằng có tội lỗi phải xa đọa, nghĩa là đã dời đi thế-giới khác hoặc sinh thú khác rồi chứ còn vợ vẫn đầu đầy mà phải tiêu dùng ăn mặc như người trần gian. Bao nhiêu sự cúng vái chỉ là tỏ lòng kỷ niệm nhớ ơn mà thôi chứ có đâu là thực. Và nếu ta mà có tin rằng thần hồn người chết là thiêng liêng bất diệt, thì cái thần hồn ấy tất là mơ màng mầu nhiệm quyết không còn là cái thân xác thịt nữa rồi. Đã không phải là cái thân xác thịt thì còn cần gì phải tiêu dùng ăn mặc như ta. Sự cảm cách giữa người sống với người chết là cảm cách ở trong cõi tinh thần của người sống mà ra, mà tất là người sống ấy có lòng thành thực nhờ mến lòng ấy thực đáng quý chứ không phải là giả. Còn như người chết mà quả còn phải tiêu dùng ăn mặc những đồ của người sống và toàn trông cậy vào người sống thì có vạn con cháu đến phải trốn tởn. dân làng đến phải trốn thân thành đã lâu, rồi vì con cháu dù có hiếu, dân làng dù chỉ thành cũng không sao kham nổi.

Tuy thế nhưng lễ phải vẫn khó thắm vào tai người ít học, nên sự biến tục xưa nay vẫn khó. Nhà thầy tôi lúc ấy cũng khá, nên dĩ tất không bắt các cô tôi đóng góp. Có một cô bé tôi, tính rất bướng, dù thấy tôi nói sấu cái tệ đốt vàng mã hay là máng không cho đốt mặc lòng ngày dỡ ngày tết bà ấy cứ sách mấy giấy vàng hồ và ngang nhiên đi vào đặt ở gầm đường thờ sứt sứt khóc và lễ. Cô tôi lễ xong bước xuống nhà ngang thì thấy tôi cho người đem mấy giấy vàng hồ ấy bỏ ra đầu nhà để gióm hỏa lò.

Cứ như thế đến mấy năm rồi cô tôi mới chịu thôi không mang vàng hồ về lễ dỡ nữa. Nay đến tôi, tôi cũng vẫn giữ không đốt vàng mã, thì trong họ ngoài làng cũng đã yên chí là cái thói quen của một nhà rồi.

Năm nọ tôi ngồi dạy học ở một nhà họ Trần hạt chí linh thấy nhà ấy cũng không đốt vàng mã, hỏi ra đó là do lời tổ huấn đã lâu đời. Nhân đó tôi được đọc một quyển gia phả của nhà họ Trần ấy mới biết Từ riệu Quận công Trần Cảnh đời Lê cảnh Hưng một vị nho thần huân nghiệp trong những trận rệp loạn cũ Truyền và loạn Hèo Cự người làng Trục tri phủ Nam sách. Sinh bình cụ không đốt vàng mã và ghi vào trong liên phả (年 阨) dặn con cháu ngày sau không được đốt vàng mã và tục cha mẹ thân nhân chết, không được mời thầy phù thủy đứng đầu làm bùa. Vì thế con cháu họ Trần của cụ vẫn giữ được lời tổ huấn ấy. Ngày nay con cháu họ Trần đông đúc lắm ở lan ra nhiều làng vùng Nam-sách chí linh học hành, hào trưởng có tiếng vùng ấy. Tiểu sĩ Trần Đĩnh khởi nghĩa binh phù vua Triều thống nhà Lê là cháu tam đại Cự Quận R ệu.

Lịch sử Cự Quận riệu, tôi đã dịch rồi đề là « thế đức đường ký » có đăng ở Nam phong tạp chí nhân đó tôi biết rằng trước nhà tôi, ở xứ đông đã có một cư tộc không đốt vàng mã đã lâu rồi. D. N. T.

Vì vợ mà chồng được gặp Phật

Phật cao một thước, ma cao mười trượng, bọn ngoại đạo chỉ vì lòng ngu si hay sinh ra ghen ghét tật đố lời thối, gây rất nhiều điều xằng bậy. đề mong lấy tiếng xấu bị nhục đời đời, chỉ vì không được nghe những pháp chân chính cao siêu mầu nhiệm của đạo Phật.

Ngày xưa có người tên là Thi-ly cục-da, là đệ tử Phú-ma la tu theo phép ngoại đạo. Vợ tên là Thụ-đề-già, trước kia bố vợ cũng là đệ tử Thi-noát-dà, cũng là người dạy bảo cho hết thấy chúng sinh tu học, song người Thụ-đề-già nhờ có phúc đức thiện-căn được nghe Phật thuyết pháp khai hóa cho biết phân biệt đường tà ngộ chính.

Sau lại cảm hóa được người bỏ cũng lại dốc lòng tin Phật, sa lia bọn ngoại đạo. Bấy giờ Thu-đề-già thấy chồng mê chấp theo thói tà thuyết, muốn hóa độ cho chồng bỏ tà về chính, thường thường khuyên chồng rằng : Đức Phật là một bậc đại trí tuệ nên dốc lòng tu theo ngài sẽ thuyết pháp cho nghe sẽ được hưởng rất nhiều điều ích lợi.

Phù-na-la là thầy tôi cũng là bậc đại trí tuệ, hai vợ chồng cãi nhau mãi không ai chịu ai, ai cũng nhận thầy mình là đại trí tuệ. sau vợ bảo chồng rằng : này này anh lặng yên mà nghe tôi nói cho anh biết ông Phú-na-la không phải là người đại trí tuệ, chỉ có tí hình tướng lóc lõc bề ngoài lừa dối người đó thôi, xin anh chớ nhầm, người ấy cũng ví như kẻ mù lấy kính đem đeo vào mắt, lừa dối lũ trẻ con, tự xưng là ta có mắt kỳ thật cái mắt ấy tuy có song có dùng được đâu có trông thấy gì đâu. — Cái ông cù-đàm mà em thờ kính kia, chính là em bị chước dối của ông ấy cảm dỗ em đó, ông Phù-na-la mới chính thật là đại trí tuệ, nay em không biết em phí báng thật là không phải, em nên biết ông Phú-na-la đi đứng năm ngời đều đúng uy nghi lễ phép.

Ông hiểu biết hết cả các việc đời trước đời này và đời sau, chứ không phải là làm thường đâu.

— Anh không cần phải nói lắm, em xin chỉ rõ chỗ ông Phú-na-la không phải là đại trí-tuệ cho anh xem, nàng nói xong bèn đi thỉnh ngay Phú-na-la về nhà, khi ông được tin thỉnh bưng bảo dạ rằng : bố nàng ngày xưa là đệ tử của ta sau đi theo ông cù-đàm bấy giờ lại mời ta chắc là biết là nhầm lỗi lại bỏ về theo ta hẳn, bởi ta mới chính phải là người có phúc đức trí-tuệ lợi ích dạy bảo cho người. nghĩ rồi nhận lời ngay, sáng hôm sau đem cả các đồ đệ đi rất đông, khi vừa vào đến nhà, Thi-ly-cúc-da ra đón vào ngồi yên ổn rồi. Phú-na-la tự nhiên cười khành khạch, Thi-ly hỏi thế nào ngài cười gì thế ?

— Tôi trông thấy ngoài bờ sông ma đà rồ một con Di-hầu (khỉ) trượt chân ngã xuống nước, coi rất buồn cười tôi không thể nhịn được.

— Ngài thật là bậc hiền hơn thanh tịnh, nên ở trong thành này cách xa sông 1000 dặm, như thế mà ngài trông thấy thì thật là thần nhân chứ không phải thường, vừa nói dứt lời đã thấy Thu-đề già bưng cơm và thức ăn để bên dưới cơm phủ kính lên trên đem dâng. Phú-na-la trông thấy bàn vội vàng bảo nàng rằng : « cơm không có canh và thức ăn thì ăn thế nào được »

Nàng bèn vịn lấy cầu ấy bảo với chồng rằng : đây anh đã biết trí tuệ của thầy anh chưa ? thức ăn ở trong bát cơm còn chả biết chả trông thấy, mà bảo trông thấy ngoài nghìn dặm có con khỉ ngã ở bờ sông thì lý gì làm bằng cứ, suy đó sẽ rõ, bất tất phải cãi làm gì cho một, đó chẳng qua chỉ là người tham lam danh-lợi, tự mình đã dối mình thì còn mong dạy cho ai được, như thế thầy anh thật không có tý gì là trí tuệ như người ở trong nhà rồi, tâm hồn mê muội không còn biết sự gì lý gì cả, chỉ tự tôn tự trọng bảo huyền đó thôi. Đức Thích-Ca 32 tướng tối, trí tuệ đạo đức phúc tuệ hoàn toàn, thật không còn ai sánh li với ngài được, anh nên lĩnh ngộ quy y theo ngài đi chứ đừng chấp mê theo tà đạo nữa.

Bấy giờ Phú-na-la lấy làm thẹn hổ hết sức không giám ăn no, ăn xong thầy rồ vội vàng rủ nhau cúi đầu đi ngay.

Thi-ly nghĩ trong lòng buồn rầu khổ sở cảm tức lắm, tuy thế nhưng vẫn muốn chạnh hơn với Phật bèn đến báo thầy rằng : Thầy chớ buồn và thầy chớ ngại, nay vợ tôi làm nhục thầy, song thầy còn về tới nhà được, nếu con mời thầy của vợ con (Phật) lại nhà con quyết không còn hồng gì đưa được xác về chỗ cũ, nói rồi vội vàng vào tới kỳ-hoàn (chỗ Phật ở) đã dâng cung kính thỉnh Phật để cúng dàng khúm núm chấp tay bạch Phật

rằng : chúng tôi gọi là có chút lòng thành, sáng mai xin thỉnh phật quá bộ lại nhà tôi, tôi xin dùng cúng bữa cơm thường xin ngài mở lòng hi xả nhận lời cho chúng tôi đội ơn ngài.

Phát biết rõ là anh ta giả vờ như thế chứ trong lòng anh không khác trông thấy kẻ thù địch của anh ta, Phát bèn giả lời rằng : « trong lòng không thật, như chỗ có cá tất là thấy động, như làm đồ giả bên ngoài mạ vàng, nung trong là sắt, hoặc đồng chẳng hạn, những người trí-tuệ, đã xem xét rồi, đã thấu rõ rồi, không thể bảo là vàng được », song phật xem chàng có thể độ được đem lòng thương xót, bèn nhận lời ngay.

Khi Thi-ly thấy phật bằng lòng nhận lời, trong bụng nghĩ rằng : quí lạ thế mà bảo đại trí-tuệ, làm sao không biết là lòng ta giả dối mà lại nhận lời mời như thế thì có chi là trí-tuệ, lại không chịu tu khổ hạnh, chỉ ham mê những sự vui sướng, thật đáng thương thay cho những kẻ ngu-dốt, không biết hay giờ kính tôn là người phúc-dức trí-tuệ, tiếng đồn lừng lẫy khắp cả thế-giới, thiên hạ thật là ngu si quá, bấy giờ anh ta về nhà sắp sửa làm cơm cúng phật, cơm và các thức ăn đều hòa thuốc độc hết cả, ở ngay ngõ vào đào một cái hố rất sâu, đồ tuần than đổ ở dưới đốt cháy rồi lấy gio phủ lên cho khỏi khói, ở trên mặt hố lấy cỏ phủ kín đi, không ai biết là có hố cả, bấy giờ vợ thấy chồng làm thế, bèn hỏi rằng : anh làm gì mà dùng công khổ nhọc như thế ?

— Nay anh muốn giết kẻ oán gia với anh đây em có giúp sức anh không ?

— Ai là oán gia, oán gia ở đâu ?

— Con người chỉ ham sự sung-sướng không chịu tu hành sợ điều khổ não, lại muốn giải thoát, lại thích ăn ngon, nỏ mồm biện bác, dòng dõi họ Thích, chính là oán gia của anh đấy. — Xin anh người dạn, anh chớ nghĩ thế, trước em được trông thấy phật là bậc đại trượng phu, đại trí tuệ ngài đã đủ sạch hết sự kiêu ngạo ghen ghét

hơn dạn đưa cái, cảm bề nhần nhục, thương yêu hết thầy
muôn loại, nói ra điều gì cũng là lợi ích cả, đi đứng uy
nghiêm chính túc, như thế mà anh sinh lòng oán hận thì
anh thân với ai trên đời này được, mà ai là người thân
với anh ? (còn nữa)

TRÍ - HẢI

MUỐN ĐẠT ĐẾN MỤC - ĐÍCH

THỂ - GIỚI ĐẠI - ĐỒNG

*cần phải rõ ba cái nguyên-nhân
bất-bình-đẳng*

(tiếp theo)

Như tu theo hoặc-nghiệp như nửa lành, nửa dữ thì
được quả báo A-tu-la, cảnh giới thọ dụng không khổ
không vui, thân thể nửa in người, nửa không in người,
tâm thức thì thường nổi sân ira việc đấu tranh. Cũng
như ở trong đời này, có những người thân thể có cái
tướng khác với thân thể người thường, tâm thức khi
nào cũng nổi sân luôn, hề nghe ai nói chuyện gì mình
hay chuyện của người khác chẳng hạn, cũng phở ngực
ra tay mà đấu tranh, cho đến khi hơn người mới chịu
thôi; còn chỗ thọ-dụng cũng không toàn khổ,
cũng không toàn lạc. Như gặp hoặc nghiệp như tạp
ác, thì mắc-quả-báo làm thân súc vật, thân thể hoặc
lớn hay nhỏ, mà tai, mắt, mũi, lưỡi như người không
khác, và cũng có tánh phân biệt, biết nóng biết lạnh,
biết đói, tình nghĩa thương con, biết tham sống sợ
chết như người, nhưng không có cái tánh minh-mẫn
hoàn toàn như người mà thôi, thành ra chỗ thọ-dụng
không in người, lại phải chịu khổ sở trăm bề. Cũng
như ở trong đời này, có những người cũng đồng một
như-loại, mà thân-thể thì tay bùn chân lấm, tâm thức
có dối thì biết ăn, lạnh biết mặc, biết tham sống sợ

chết biết thương con nhờ vợ, chỉ có biết từng đó thế thôi. Còn trừ ra ngoài về những nguyên lý của vạn sự vạn vật và trên con đường sống chết của nhân loại, quan hệ với nhau thế nào; đối với họ cũng như súc vật đối với nhân loại, nên họ thường ngày nghĩ bậy làm càn, đến mất hẳn cái nhơn-cách làm người, trọn đời chỉ đem thân làm trâu ngựa cho người mà thôi, toàn không có một chút gì là thú-vị nhơn sanh cả.

Như gây hoặc nghiệp nhơn, không biết tôn kính Tam-bảo, không thọ trì ngũ-giới, không giữ trọn luân lý ngũ thường, và lại lòng xang-tham vô yếm, của người thì ưa tham lấy, còn của mình thì giữ chặt không bao giờ muốn đem một đồng tiền mà bố-thí cho những người đau ốm nghèo khổ, thì mắc quả báo ngũ quý, thân thể thì bụng to như cái trống, cổ nhỏ bằng cái kim, tâm thức bị các phiền-não ràng buộc, thấy đồ vật thực muốn ăn, mà ăn không xuống, khổ-sử trăm bề. Cũng như trong đời này có những người đau bệnh cổ-trướng, bụng đói lâu ngày thấy đồ ăn uống, mà không thể ăn được, tâm thức thì thường suy nghĩ những việc tà ma ngoại-đạo, nên bị trần lao phiền não ràng buộc nên không khi nào đứng giải thoát cả. Như gây hoặc nghiệp nhơn ngộ nghịch, thì phải mắc quả-báo ở địa-ngục, như ở các thế-giới tối tăm, thân-thể thì thường thay đổi, buổi mai sống, buổi chiều chết, cho đến nỗi sống chết chỉ ở trong một phút phát đồng hồ, như các loài: rudi, muỗi, nhện, kiến, khắp đây trong thế-giới. Tâm-thức chỉ liết tham sống sợ chết, thế mà phải qua vô-số kiếp chịu hết cái khổ ấy rồi; dầu may được cái phúc-báo sanh làm thân người, cũng chỉ cảm được cái báo thân bản cùng hạ tiện, áo không đủ che thân, cơm ăn không đủ bụng, vì cơ ấy nên ở trong đời này, có những hạng người sanh ở các thế-giới tối tăm xấu xa, thân thể đều đui què gầy, đem thân làm tôi mọi cho người khu sử, tâm thức thì không bao giờ biết chi là phải chỉ là bậy, chi là chánh, chi là tà,

trọn đời chỉ có sống với một cái sống rồi lìa, cho nên trong kinh nói rằng: (一切眾生從無始來起善惡之業不同感苦樂之果差別, nghĩa là hết thảy chúng sanh vô thì đến nay, đã gây hoặc nghiệp nhưn khác nhau, nên tùy theo nghiệp nhưn mà chỗ kết-quả vui hay khổ không đồng) nói tóm lại ở trong mỗi niệm mỗi niệm của chúng sinh, cũng đều có hoặc nghiệp khổ khác nhau.

Chúng ta coi như trên đó, thì đủ biết chúng sanh ở trong vũ trụ này sở dĩ về chỗ khổ quả thọ dụng, có giai-cấp bất bình thốn-khổ, là đều vì hoặc nghiệp khổ mà có khi thay hình đổi lối, khác đáng khác nhau đó thôi. Nhưng cũng đồng một tâm tánh như nhau cả. Cũng vì như ở trong vũ-trụ đồng một nhưn loại, mà người chủ-trương lý-thuyết này, người chủ-trương thuyết nọ, tư-tưởng mỗi người một khác, cho nên chỗ tạo-nhơn kết quả giữa xã-hội lũng xãng có thiên hình vạn trạng không sao kể xiết; lại nữa cũng vì như ở trong một xã-hội, nào là người làm chủ, nào là người làm thầy thông, nào là người làm cai, nào là loong toong, nào là người làm cu-ly, thiết ra tâm lý của ai cũng muốn làm chức phận cho lớn cả, nhưng không được, mà sở dĩ có giai cấp bất bình đó, đều vì cái chỗ học-thức của mỗi người mỗi khác, nên tùy theo địa vị làm việc giữa xã-hội, thành ra có hoàn-cảnh thọ dụng khác nhau, chứ nào có phải giữa xã-hội nhữ, định có chia ra giai cấp như vậy đâu, bởi vì thế mà chúng sanh ở trên thế-giới có chia ra bốn nghiệp không đồng nhau:

1.) Cộng nghiệp;

2.) Bất cộng nghiệp;

3.) Bất cộng Trung cộng nghiệp;

4.) Bất cộng trung bất cộng nghiệp;

a) Cộng nghiệp: nghĩa là cũng đồng làm một thân nhưn loại như nhau, cũng đồng ở chung một vũ trụ nhưn nhau, cũng đồng cảnh ngộ sống chết già đau như nhau.

b) Bất cộng nghiệp: nghĩa là cũng đồng một nhân-

loại, mà người thì giàu sang kẻ nghèo khổ, vẫn đồng ở chung một vũ trụ mà người thì ruộng nhiều đất tốt, có kẻ thì một cục đất quặng gà cũng không có, có người thì làm nhà lâu năm bảy sở, không ai ở hết, có kẻ thì nắm đầu cầu xổ chợ, có người đau trăm thầy thuốc đồ hồ-dưỡng điều trị không thiếu món gì, có kẻ đau thầy thuốc nọ có, thậm chí cho đến nổi không đủ năm đồng xu mua ve dầu.

c) **Bất cộng trung cộng nghiệp**: nghĩa là tinh thần và thân-thể mỗi người mỗi khác, mà chỗ tiếp xúc cùng với sự-sự vật-vật trên quả địa cầu này, về lại nghe mắt thấy cũng đồng một tánh hay biết như nhau cả.

d) **Bất cộng trung bất cộng nghiệp**: nghĩa là thân thể mỗi người mỗi khác rồi, mà cái chỗ thấy nghe hay biết của người này, không thể thay thế cho người khác thấy nghe hay biết được, người khác không thể thay thế cho người này được. Nói tóm lại chúng sanh gây hoặc tạo nghiệp, khổ quả khác nhau, nên mỗi có chia ra lục phẩm.

(òn nũa)

Lê chính-Tri — Huế

TRANG HỌC TẶNG

Bài văn biện nghị của cụ Quy-vân Bản Hòa-thượng

Trịnh-quốc-công Phú-bật bản triều, đến hỏi đạo cụ Đầu-tử-Ngung thuyên sư, thư từ kệ tụng, tất cả đến 14 tờ giấy, còn khắc vào vách tường hai bên Hành-lang chùa Hồng-phúc châu Thai. Xem thể thì đủ rõ cái uy-nghiêm của các bậc chủ pháp trước kia và cái lòng tin đạo rất khẩn bó của các vương công quý nhân như thế nào vậy.

Trịnh-quốc-công là một bậc trọng thần nhà nước, mà lúc già biết mộ đạo như thế, thì biết cụ Ngung tất là là có chỗ hơn người nhiều, nên ông Bất mới tự nói rằng : « Ông đối với cụ Ngung được nhiều điều cảnh tỉnh mở mang lắm ». Trong hàng sĩ-phu tin sâu đạo này mà quên cả tuổi, bỏ cả thế, gắng gỏi hàng hái

như thế là cốt kỳ cho đến thiệt hiều thiệt chừng mới thôi.

Như quan Thị-lang Dương Đại-Niên, quan đô-úy Lý-hòa-Văn sam hỏi các cụ Quảng tuệ-Liền, cụ Thạch-môn-Thông, và cụ Từ-minh, sớng họa hăng-hái, thấy chép ở trong sách thuyền rất nhiều, như ông Dương-vô-Vi với cụ Bạch-vân Doan, ông Trương vô-Tận với cụ Đâu-xuất-duyệt, đều là căn vắn đến chỗ quan yếu, xuôt tới nguồn đậy, chứ không phải là sự lạm bợ hăng hồ qua đó xong thôi đâu. Gần đây như các quan Thị-lang Thượng-vô Cấu, tham chính Lý hân lão, học sĩ Lã-cư-Nhân, đều tới sam hỏi cụ Diệu-hỷ, đều hiều vào tới chỗ cao sâu, nên cụ đã gọi là những bực siều vượt ra ngoài vòng tục. Cái tình yêu ghét, cái lý thuận nghịch, như sét đánh, như chớp dật, thoát hẳn cái lối bó buộc kiếng kỹ của đời, những kẻ đứng ngoài xem thế, thấy đều khếp nép ngo ngác, chẳng còn hiều được một tý gì. Song le các bậc sĩ phu quán-lữ, cùng đến sam cầu ở cái bến không nhân vắng lặng, cũng chỉ cốt nương tám vào nơi thuyền tịch, để phát huy cái chân-linh sẵn có của mình mà thôi. Đời sau không biết cái khuôn phép của các tiên-đức, chỉ chuyên một mặt nịnh nọt, tìm lối tât lên chỗ vẻ vang. Phạm muốn ở ngôi trụ tri, thì giả danh là Trưỡng lão, trong thiệp danh thường thường tự xưng là Tăng-đồ ở các sơn-môn có liếng, táng bốc những người có tình hậu riêng với mình là ân-phủ. Lấy của thập-phương lảng đút lót nịnh nọt, bị người tri thừe chê cười mà vẫn điem nhiên không biết xấu hổ. Than ôi!!! Các sơn-môn thích-tử chúng ta, một bình một bát, như mây đi, như chim bay, không có cái nổi đời rét nó bức bách, không có tình con cái vàng ngọc nó quyến luyến, mà lại muốn khúoi núm đón rước, đê-hạ chua-sốt, tự rước lấy sự hèn hạ nhục nhã như thế ư?! Kêu là Ân-phủ, là bởi ý riêng của một mình, không có căn cứ vào đâu cả. Một kẻ ngu hèn sớng trước, trâm kẻ ngu hèn họa sau, rắp danh tranh nhau mà su-phụ, thực là hèn kém lắm vậy. Làm cho phong giáo suy đời,

không gì tệ hơn kể nịnh. Vì kể nịnh thực là một hạng dần dần biến thành kẻ gian tà giới giả, dù bực học hành chân chính, đã bị nó cảm dỗ vào, cũng sẽ sa ngã vào chỗ bất chính, mất cả đức hạnh, không cứu được nữa, chủ cũng đáng thương lắm ru ! Tỉ-khưu phá pháp, là bởi ma khi đức lên, ngóng lơ tợ đắc, giả bộ hình tướng tri-thức, nhận vờ các bậc đại lão trong thiền-lâm là thầy, vờ cần các quan trạng quý hiền là họ. Tợ mình nịnh sảng, lại nói sừng sừng là theo cái hạnh không khinh ai, khêu ra cái mối làm hoại pháp. Kể bạch y ngồi trộm trệ trên giường, mình quý dài ở dưới, cố ý làm trái phép Phật như thế, thực là rất nhục cho tôn phong, đạo ta xuy vi, đến thế là cùng ! Than ôi ! ! Trời chu quý bất, muốn chết khôn chuộc, chả phải là tội kể nịnh là tội ai ? Trong bài Nguyên giáo của cụ Tung-thuyền-sư nói rằng : « Các bậc cao-lăng ngày xưa, vào yết kiến Thiên-tử, không làm lễ như bầy tôi, vua có chiếu sắc gì, thì đều sừng là cụ hay là thầy. Cụ Tăng-viễn tu ở núi Trung-sơn, xe loan tới cửa mà cụ vẫn ngồi trên đường không ra đón ; Cụ Tuệ-viễn tu ở Hồ-khê, thiên tử tới bên lùm-dương, xuống chiếu đòi mà cụ không ra khỏi núi, khiến cho đời phải kính-trọng nhân phẩm, phải tôn quý đức tối, vì thế nên đạo Phật mới chấn hưng. Còn những người đời sau cho là cao lăng, thì đối với bọn công-khanh đại-phu cũng còn chưa được dự vào lễ hạ sĩ, ra vào đối đãi, lại không được tự do tự tại bằng kẻ làm thường, còn nói chi như cụ Tăng-viễn, cụ Tuệ-viễn đối với thiên tử mà vẫn tự nhiên kia ư ? Như thế mà mong cho đạo ta hưng thịnh người ta tu được, có thể nào được ư ? Giữ giáo mà người không tu, thì giữ có ích gì ư ? Tới nghĩ đến đó không bao giờ là không nước mắt đầm đìa. Năm Đinh-dậu niên hiệu Thuần-hy, tôi từ việc ở hiền-âu sang ngụ ở cái xóm nhỏ ở bình điền lầy-sơn, vì gần đây nghe thấy phần nhiều là những sư giả dối, thói cũ điều tàn, lời nói của tôi cũng chẳng đủ cho người khinh trọng, vậy viết ra để tự dẫn mình thói vậy.

Mấy lời cảm kích sau khi dịch hết bài
Biện-nịnh thiên của cụ Quy-vân Bản

Mỗi khi ngồi đàm đạo, nói đến Phật pháp ngày nay, thì ai cũng chép miệng thở dài mà than rằng : « Than ôi !!! Bây giờ là đời mất pháp, cách thánh đã xa, lòng người kém cỏi 去聖已遠人心不古 cho nên mới suy đồi như thế này ». Nay xem đến bài Biện-nịnh của cụ Vân-bản, thì không sao không tức cười mà thốt lên một tiếng lớn rằng : « Cứ xem như thế này thì cổ xưa cũng chẳng kém gì ngày nay, ngày nay cũng chẳng khác gì ngày xưa, hơn nhau chỉ ở chỗ biết nghe nhờ nghiêm khắc và tu thực mà thôi ». Ôi !!! Ai máng chúng ta, là thầy ta đó. Chúng ta muốn tìm thầy học, không quy về thầy Vân-bản thì còn quy ai...

Tiêu học sinh tặng

Tập dịch nguyên văn trong Thuyền-lâm bảo-huấn

TẬP GIỮ TÍNH THÀNH



THƠ CON CHUỒN CHUỒN

KHUYÊN CÁC BẠN BÈ

Chuồn chuồn đậu ngon cỏ xanh,
 Có chú nhỏ nhỏ nấp dính bắt chơi.
 Lấy chỉ buộc cánh chẳng đỏi,
 Chuồn bay thấy mắc rặng rời thất-kinh.
 Giờ lâu đứt cánh tan hình,
 Cánh đi một nửa thân mình một nơi !
 Chao ôi cậu bé kia ơi.
 Nữ đàn tằm hại những loài chúng sinh.
 Tay rằng nó khác thân hình ;
 Nhưng cùng tri giác như mình khác chi.
 Ta nên mở bụng từ bi.
 Khuyên nhau cứu vớt hộ trỉ mới nên.

Tiểu học sinh Thanh Phương

Nghĩ con đường thể ngồn ngang,
 Xem chuồn bị bắt lòng càng thêm thương.
 Ngáy kia có một con chuồn,
 Bị một cậu bé bắt luôn tức thì.
 Lấy dây buộc cổ mang đi,
 Giả làm điều dễ mà hi tiểu hoai.
 Cậu bé là đũa vô loài,
 Chẳng tin nhân quả nên người ngu-si.
 Bây giờ cậu vui thế kia,
 Có ai bắt cậu đem đi đọa đầy.
 Hỏi rằng cậu vui chẳng hay,
 Hay là tức đến quặng thấy vật mình.
 Ai ơi xuy xét cho mình,
 Ta không chịu được sao hành người ta.
 Anh em trong cõi sa bà,
 Phóng sinh giới sát mới là người nhân.

Tiểu học sinh Thanh Nhâm

TÂY - VỰC KỶ

Không phải là chỗ phúc địa, cho nên không dám khuyến pháp sư về.

Pháp-sư nói : Ngài Vô cấu nói : Ôi, mặt trời vì có gì mà ló ra châu Thiệm-bộ này ? là vì trừ nổi tối tăm. Nay ta muốn về, ý cũng theo thế mà thôi Các sư mới cùng kéo cả đến cụ Giới-hiền bày tỏ mọi ý.

Cụ Giới-hiền bảo pháp sư rằng : Ý nhân-giả định thế nào ?

Pháp-sư nói : Ở đây là chỗ Phật sinh, không phải con không yêu thích, nhưng con sợ giữ lại đây, là vì cầu lấy pháp lớn, làm lợi khắp quần sinh.

Từ khi đến đây, nhờ Lão-sư dảng cho nghe Du-giã sư-địa luận quyết hết các mối ngờ, đi lễ các thánh tích và học xam các bộ, lých lược được ý chỉ rất sâu, lòng riêng yên ủi, thực không đến nỗi uổng cái công đi, nguyện xin đem những điều đã nghe được, trở về phiên dịch ra, khiến cho những người có duyên, cùng được nghe thấy, để báo đáp lại cái ơn của lão-sư, vì thế nên con không dám ở đây mãi.

Cụ Giới-hiền mừng rỡ nói rằng : Thế là tấm lòng bồ-tát đó, lòng ta cũng chỉ mong như thế, thôi các người không nên cố lưu, để cho nhân-giả thu xếp trở về. Nói đoạn lui vào phòng nghỉ.

Qua hai hôm quả nhiên thấy sứ-giã mang thư của vua Cru-ma-la đến đưa cho cụ Giới-hiền. Trong thư đại ý nói rằng : « Đệ-tử muốn được tiếp vị đại đức nước Chi-na, xin Pháp-sư đề bạt sang ngay, cho được yên lòng mong đợi.

Cụ Giới-hiền tiếp được thư xem rồi bảo chúng rằng : vua Cru-ma-la muốn mời thầy Huyền-trang, nhưng vì thầy đã giữ vào sổ ứng cử sang chỗ vua Giới-nhật để đối đáp cùng tiểu thừa, nếu lại ủy đi chỗ khác, ngộ có lệnh vua Giới-nhật về thì làm thế nào, chi bằng không phải đi với là hơn.

Bàn định rồi bảo sứ-giã rằng : Nhà sư Chi-na sắp về

nước rồi, không kịp sang tiếp vua nữa.

Sứ-giã về nói, vua lại cho sang mới một tin nữa rằng : « Dù muốn về nước, cũng xin tạm qua bên nước đệ-tử một tý rồi về cũng tiện, nguyện xin đoái lại, chớ có quá tình ».

Cụ Giới-hiền cũng cứ từ. Vua dặn lẫm lại sai một sứ giả khác đưa thư sang rằng : « Đệ-tử là kẻ phạm phũ, tập nhiệm thói đời, đối với Phật pháp chưa biết tí gì, nay nghe đến tên một vị cao tăng nước ngoài, thân tâm vui thích, cũng như bụi lau mới rẽ ra, nay pháp-sư lại cố ý giữ không cho lại, thế là muốn cho chúng sinh chậm luân mãi mãi ư ? Thế có phải là chí nghĩa của bậc đại đức nổi giới phép Phật dắt dẫn dân sau lên ư ? Muốn phần ngưỡng mộ, kính cho sứ lại một lần nữa, nếu cố ý không lại, thì đệ-tử vốn là người ác, hãy coi gương gần như vua Thiết-thượng-Ca, còn phá hoại pháp, thì như đệ-tử đây, pháp-sư có thể cho là không đủ sức như thế được không. quyết xin sắp sửa quân tượng, bủa vây bốn phía, sáo nạt cả chùa Lạn-dã, cho nhỏ như bụi. Nói sao như vậy, xin pháp-sư thứ coi.

Cụ Giới-hiền nhận được thư bảo pháp-sư rằng : Nhà vua này vốn là người lòng thiện mỏng manh, cho nên ở trong nước ấy, Phật pháp cũng rất suy kém, từ khi nghe tiếng nhân-giã, dường như mở lòng sâu sa hoặc giả là cái duyên kiếp trước là bạn thân nhau chẳng, vậy nhân-giã cũng nên gắng đi. Xuất-gia cốt nhất việc lợi sinh, nay chính là cái thời cơ tốt đó. Ví như chặt cây, cứ chém đứt gốc cành là tự chết, nhân-giã đến đây, khiến cho nhà vua ấy phát tâm, thì trăm họ đều theo đó mà quy hóa, thực là hay lắm, nếu cứ cố từ, lỡ có sự rủi chẳng.

Pháp-sư vâng lời, cáo từ cùng sứ giả đi. Đến nơi vua mừng rỡ lắm, đốc xuất quần thần, lập tiếp đón rượu, cực kỳ cung kính. Mới vào trong cung, ngày ngày bày tiệc, âm nhạc vang lừng, cúng dàng rất hậu, và xin làm lễ tri trai thủ giới như thế đến hơn một tháng.

Vua Giời-nhật đi đánh nước Cung-ngự-đa về nghe nói pháp-sư đã ở bên vua Cưu-ma-la rồi, rất mình nói rằng : Trước ta thỉnh mãi không lại, làm sao bây giờ đã ở đây rồi, liền sai sứ sang báo vua Cưu-ma-la rằng phải đưa vị tăng ở Chi-na lại ngay.

Vua Cưu-ma-La vì kính mến pháp-sư quá, không thể rời ra được mới bảo sứ-giả rằng : « Đầu tôi có thể lấy được chứ pháp-sư chưa thể đưa lại ngay được ». Sứ giả về báo. Vua Giời-nhật cả giận, bảo các quan hầu rằng : Vua Cưu-ma-la khinh ta quá lắm thay ! làm sao chỉ vì một nhà sư mà dám thốt ra lời thô lỗ đến như thế ? Liền cho sứ giả lại trách rằng : « Nhà ngươi nói đầu có thể lấy được thì nên giao cho sứ giả mang lại ngay ». Vua Cưu-ma-la biết là mình nói lỡ lời, lấy làm sợ hãi lắm, liền một mặt sai người tu tạo hành cung ở phía bắc sông Căng-già, một mặt cho điều động hai vạn quân voi, ba vạn chiếc thuyền, cùng pháp-sư khởi hành, theo đường thủy qua sông Căng-già đến nước Yết-chu-ôi-ki-la, mời pháp-sư vào hành cung nghỉ, rồi cùng các quan sang chào vua Giời-nhật.

Vua Giời-nhật thấy vua Cưu-ma-la thân đến lấy làm mừng lắm, lại biết rõ cái tình quá trọng yêu kính pháp-sư, nên cũng không trách gì đến câu nói trước mà chỉ hỏi rằng vị tăng ở Chi-na đâu.

Vua Cưu-ma-la nói : Hiện ở hành cung.

Vua Giời-nhật hỏi : Sao không đưa lại ngay đây ?

Vua Cưu-ma-la nói : Đại-vương kính hiền học đạo, có lẽ nào lại để pháp-sư đến đây chầu chực đại-vương được ư ?

Vua Giời-nhật khen phải và nói : Thôi, nhà vua cứ về, sáng mai ta sẽ lại.

Vua Cưu-ma-la trở về bảo pháp-sư rằng : Vua tuy nói rằng sáng mai đến, nhưng e rằng đêm nay vua sẽ đến đây, ta nên chờ đợi xem, hễ có lại, xin Pháp-sư lắng yên. Pháp-sư nói : Huyền-trang vì Phật pháp, lý tự nhiên phải thế.

Vừa sừng canh hai, quả nhiên vua lại thật. Có lính vào báo rằng : Trong sông có hàng ba bốn ngàn bó đuốc, khua chuông đánh trống tiến lại.

Vua Cuu-ma-la nói : Đò chính là vua Giới-nbật lại đây. Lại sai gióng đuốc, cùng các quan ra tận ngoài xa đón.

Nguyên phép đi của vua Giới-nbật, mỗi khi đi có một đội âm nhạc, chiêng trống lớn hàng hai ba trăm hàng, cứ đi một bước đánh một tiếng, gọi là trống bước gằn, chỉ riêng vua được dùng thôi, còn các vua khác không được dùng vậy.

Vua Giới-nbật vào tới hành cung, lấy sát xuống chân pháp-sư, tuog hoa tán thân rồi bạch với pháp sư rằng : Trước đệ tử đã thỉnh pháp-sư, sao pháp-sư không lại ?

Pháp-sư nói : *Huyền trang từ xa lại đây, mong cầu Phật pháp, khi có mệnh của vua đến, vì còn đang nghe giảng Du-giã sư-dị-luận chưa xong, cho nên không lại thăm vua được.*

Vua lại hỏi pháp-sư rằng : Pháp-sư ở Chi-na lại, đệ-tử nghe nói ở bên Chi-na có một khúc nhạc gọi là nhạc Tần-vương, Tần vương là người thế nào, có công đức gì, mà được người ngồi khen đến như thế ?

Pháp-sư nói : Ở bên đất nước Huyền-trang thấy ai có đức hiền thánh, vì trăm họ trừ kẻ hung ác, tạo nên hạnh phúc cho quần sinh. thì ca tụng tán dương, phả vào khúc nhạc. trên dùng làm lễ cúng tế ở nhà tôn miếu, dưới để cho nhân dân ca vịnh. Tần vương là một thiên tử ở bên nước Chi-na bây giờ, trước khi chưa lên ngôi hoàng-đế, còn phong là Tần vương, lúc bấy giờ trời đất gặp cơn gió bụi, thương sinh không có chủ trương, thấy người chết đầy đồng, máu người chảy thành sông, giặc giã tứ tung nhâu dân tấn loạn Tần-vương là con cháu vương hầu ừng số mạng trời, kết lập nghĩa binh, trừ kẻ hung tàn, giẹp yên bờ cõi, khiến cho nhân dân được thấy cảnh thái-bình sung sướng cho nên có khúc nhạc ấy.

TRUYỆN

LỘC-MẪU PHU-NHÂN

Đời quá khứ Ba-La nại.

Có một rừng tên gọi Thánh-du.

Biết bao thánh-tích rị thù,

Ngồi trong rừng rú thanh tu đạo mầu.

Phía nam bắc hai đầu hai núi,

Chốn trung gian có suối tuyết vời.

Bốn mùa nước chảy hóa trời,

Ở trên bờ suối có ngôi thạch bàn.

Thú thanh nhã nhân gian ít có,

Vẻ thơm tho trăng gió lạnh nồng.

Hang nam có một tiên ông,

Thường ra chốn ấy vắng vùng nghĩ ngơi.

Khi tắm gội khi phơi giặt áo.

Lúc thừa lương hoa thảo thạch-bàn.

Bụi trần còn vương nhân-gian,

Vì yêu tăng đá gậy nên nợ nần.

Hươu cái nợ kiếm ăn khe núi,

Thấy thạch-bàn bên suối cũng ưa.

Cúi đầu liếm láp cần rơm,

Tiền ông tiểu tiện tình thừa còn dáy.

Hươu cái nợ nuốt ngay tiền khi,

Nuốt song rồi ám ý tâm can.

Bàn khoán chuyển động can tràng,

Giở về từ đây riêng mang khối tình.

Ngày thăm thoát thai sinh đã đến,

Hươu liền ra nhầy liêng kêu gào.

Hươu kêu thẳm thẳm làm sao,
Tiên ông nghe cũng nón nao tấm lòng.
Vừa giạo gót ra trông tảng đá,
Thấy hươu đang giở dạ nực cười.
Lạ thay hươu để ra người !
Tiên ông vừa đến hươu thoi chạy ngay.
Trơ một gái thơ ngây sinh sẵn,
Dạ bi hoài tiên sẵn từ tâm.
Vội vàng tay cắt tay náng,
Đem về nuôi nấng mười phần kính yêu.
Nghĩ nưảh phận rừng hươu quạnh quẽ,
Nay bỗng rừng có kẻ đỡ buồn.
Cống trình bao quản hèo hon,
Hoa thơm mật ngọt nuôi con tò vò.
Khi rét lạnh mặc cho áo lá,
Lúc nong nàn xuôi đá thừa lương.
Mật hoa mòi liễu khác thường,
Rõ ràng ngọc uyển tiên nương đáng-trần.
Thoi én đã tới tuần hai bảy,
Vẻ yêu kiều cá dầy nhận sa.
Dữi rằng gia-nghiệp nhà ta,
Có lò lửa nóng để mà luyện đơn,
Cha quý lửa còn hơn qui mạnh,
Con giữ đin cần thận giúp cha,
Phòng khi một trẻ một già,
Nhỡ ra lửa tắt đi xa thêm phiền.
Dặn cần thận tiên liền ra núi,
Tìm thức ăn kiếm củi mang về.
Vội vào lò lửa mán mẽ,

Ôi thối lạnh ngắt bốn bề như băng.
 Cuộc thịnh nộ hung hăng quở trách,
 Mày rõ đồ súc vật vô tri.
 Mãi chơi đùa lửa tắt đi,
 Hang sâu rừng vắng lấy gì luyện đơn.
 Tao tỉnh lại nay hơn trăm tuổi,
 Lò tao đây chưa nguội lửa này.
 Nay vì lơ đãng tại mày,
 Phải sang hang bắc xin ngay lửa về.
 Lộc nữ nọ liền nghe cha bản,
 Vội cúi đầu nhanh nhâu bước ra.
 Đồng Tiên cũng khác người ta,
 Cất chân một bước một hoa sen vàng.
 Vừa đứng đỉnh tới hang phía bắc,
 Bắc tiên óng chột nhác thấy nàng.
 Gái đầu dong mạo khác thường,
 Cất chân gót nở sen vàng lạ sao ? !!
 Liền gạn hỏi người nào tới đó,
 Tục hay tiên mà rõ động này ?
 Thừa rằng chút phận thơ ngây,
 Hang nam tắt lửa qua đây phiến ngái.
 - Rằng người nói những nhời con trẻ,
 Lửa nhà tiên khôn lẽ cho sẵn,
 Người mà muốn được lửa chẳng,
 Hang ta người phải bày vòng nhiều qua.
 Phải thứ tự bày hoa hàng ngũ,
 Bày phân minh cho đủ bày vòng.
 Vàng nhời nàng phải nhiều xong,
 Bắc tiên ra ngắm trong lòng thích ghê.

— Rằng người lại quay về phía hữu,
 Đủ bầy vòng đi nhiều giúp ta.
 Trong ngoài đủ bầy vòng hoa,
 Ta về gói lửa đem ra tức thì.
 Nàng Lộc-nữ chỉ vì chút lửa,
 Đánh văng nhời nhiều nữa cho song.
 Đoạn rồi từ tạ tiễn ông,
 Vợ đem gói lửa về trong lò nhà.
 Cách ít bữa vua ra tập trận,
 Đủ trăm quan đủ một cung tần.
 Vào rừng tiễn thánh vua săn,
 Thấy hoa sen mọc chung quanh thành hàng.
 Vua hoan-hỷ vào hang làm lễ,
 Rằng đại tiên phúc tuệ lạ như ông.
 Từ vì sen mọc làm tường.
 Trái mùa mà vẫn mùi hương ngọt ngào,
 Bắc liền thấy vua vào với đốn,
 Rằng tới đây ngu độn biết gì.
 Sen vàng vảy bọc từ vì,
 Chẳng qua sự đó cũng vì Lộc-nương.
 Nhân buổi trước nàng sang xin lửa.
 Thấy gót chân sen nở thành hàng.
 Muốn cho lệ xá về vạng
 Vòng quanh thuận nghịch bắt nàng nhiều chơi,
 Vua liền hỏi nàng người đâu tá.
 Tuổi xuân xanh phỏng đã bao chừng ?
 Rằng con Nam quật tiễn ông,
 Tuổi vừa hai bảy hình dong tuyết trần.

(còn nữa)

THÁI-HÒA

TRUYỆN NGẮN
NGOÀI VÒNG TỤC LUY

Đoạn duyên Cư-Sĩ

Giời vẫn mưa tầm-tã, bức màn mây vẫn âm thầm buồn rĩ khắp nhân gian nhuộm một màu tro lên vạn vật buồn tạnh; Và thỉnh thoảng tiếng rào rạt của dặng chuỗi diêm thêm vào cái buồn lặng lẽ trong rừng Kệ. Lạnh dưới sườn ngọn Thái-hùng-sơn. Chùa Vân-Khánh ẩn sau vòm cây xanh rậm rạp như huyền ảo mơ-hồ nằm ủ-rũ. chịu sức mưa gào gió thét trong cảnh đêm trường khuya khoắt lạnh lùng của chốn sơn-lâm. Ngồi trên hồ-đoàn trước Phật-đài Tĩnh-trần, hòa-thượng dang mái mít tụng kinh, tiếng ngài sang sảng vang ra và cùng âm thanh của tiếng mõ, lại thỉnh thoảng diêm thêm vài câu kinh một tiếng chuông.. Vạn vật đều chìm đắm trong sự huyền-bí...Tụng xong khóa kinh, Tĩnh-trần rũ áo đứng dậy vái trước Phật-đài rồi lui xuống trai phòng để tiếp chuyện vị khách ban chiều. Cái trán vuông, lưỡng-quyền nở, đôi mắt sáng ngời lóng lánh về mắt từ bi hàm có đôi chút thông minh lạnh lọi, nhưng ta nhia kỹ mấy nếp răn đủ tỏ ra hòa-thượng là một người đã từng trải trên con đường Tục-luy. Rót chén nước chè mạn nóng hòa-thượng dơ tay mời khách. Khách khúm núm đón lấy và cảm tạ hòa-thượng rồi kính cầu nói:

Bạch Hòa-thượng, tiểu-tử qua đây vì sự nhỡ bước lỡ đường được người đoái tới cho chú chân một đêm trong chốn tùng lâm u-uẩn này thực lấy làm cảm tạ muôn vàn. Cái ơn ấy, tiểu-tử bao giờ quên được. Nhân tiện muốn xin người chỉ giáo cho vài triết-lý của đạo Phật uyển thâm.

Tĩnh-trần Hòa-thượng mỉm cười sẽ nói:

Không dám! Những triết-lý của đạo Phật khó lắm, phải có người học rộng tài cao đã và đủ lịch duyệt

mới có thể giải nghĩa được. Nhưng tôi hãy xin lược thuật một chuyện cho ông nghe cái thí dụ của sự tu hành. . . .

Khách nói :

Vàng, mong hòa-thượng chỉ giáo ..

Tĩnh-trần nghiêm nghị cất tiếng :

Ông người Hà-nam !

— Thưa vàng !

— Vậy ông có biết một cậu thiếu niên tên là Lê-phụng-Đản không ?

Khách sửng sốt, nhưng cố lấy vẻ mặt bình-thản nói :

Dạ, thưa hòa-thượng có ! Tôi có biết Lê-phụng-Đản,

Hòa-thượng mỉm cười nói tiếp :

Lê-phụng-Đản, phải, là một trang thiếu-niên tài hoa lỗi lạc, gia tư phong phú, danh giá ai tày, nhưng Phụng-Đản nào có biết thế, một sinh viên trường luật đến nổi vì cái bả tình ái nỏ làm mờ mắt trí tuệ con người. Đang học dở giảng Phụng-Đản bỏ học rồi chơi bời phóng đãng, bắt đầu bước lên tình trường. Phụng-Đản có một người tình là một nữ-lang nhan-sắc tuyệt vời, con nhà buôn bán ngay cùng phố chính. Tuyết tên cô, cũng chỉ vì ưa tài mẫn sắc của Phụng-Đản cho nên hai nhười đã tưởng được ví như đôi chim chấp cánh bay chuyễn và bắt trước Minh-hoàng cùng Dương-quý-Phi thề non hẹn biển. Nào ngờ mấy tháng sau Phụng-Đản thấy Tuyết cứ luôn luôn lảng tránh mình, cách ít lâu bắt được một bức thư do Tuyết gửi đến, xem xong bức thư Phụng-Đản mỉm cười, một nụ cười chua cay của người thất vọng. Thì ra Trần-tụng-Phong con ông Nghị Hoàn đã dụng tâm đem tài và sắc quyến rũ Tuyết, và đem sinh lễ đến hỏi, hai bên đều thỏa thuận sắp đến ngày lễ thành hôn. Tuyết gửi một bức thư đến báo cho Phụng-Đản biết đã chia lìa sợi dây

linh ái. Một phen thất vọng ấy chưa đủ cảnh tỉnh con người phóng đảng kia thì trời dẫu run rủ đến một á ca kỹ khiến cho Phụng-Đản ngày đêm mê mết chốn Hồng-lâu. Á ca-kỹ ấy nhan sắc đã chẳng kém gì Tuyết mà lại có phần hơn, Ngọc-Diểm, tên á ấy, cái tên đã đủ tả cái tấm thân đẹp đẽ đôi mắt phượng trong suốt mỗi khi đưa dầy khước thu ba làm cho bao nhiêu thiếu-niên phải mê, Phụng-Đản ở trong đám thiếu niên ấy, dần dần với Ngọc-Diểm ít lâu. Phụng-Đản đã toan xin với cha mẹ cưới nàng về làm nội-tướng, song cha mẹ chàng đều không bằng lòng. Tuy hồi ấy chưa có phong-trào tự do kết hôn nhưng trong tư-tưởng Phụng-đản nảy ra một ý-kiến muốn lấy một người vợ hoàn toàn có thể giao-phó được hết thảy các công việc.....Phụng-đản thường cùng với người bạn Phan-Trọng-Tấn.....

Nói đến đây hòa-thượng ngừng lại uống nước dập động, cùng lúc ấy vị khách cũng sững-sốt ngạc-nhiên khi nghe thấy ba chữ Phan-trọng-Tấn....Hòa-thượng lại mỉm cười và nói tiếp :

Phan-trọng-Tấn ! Phải, là một người bạn chí thân của Phụng-Đản, cũng là một tay chơi bởi có tiếng, hai người cùng bàn nhau quyến rũ Ngọc-Diểm đem trốn nhưng công việc kết-quả bị mật-thám bắt được, hai người dắt nhau vào chốn lao tù, khi đã được tha thì ới thời người tình kia đã bị người khác chiếm rồi, thế là hết cái hy vọng theo đuổi mục-đích trên con đường tình ái của Phụng-đản đã hầu tàn... Vì không còn hy-vọng gì được nữa cho nên Phụng-đản đâm ra uống rượu, thời thì khắp các cao-lầu tửu-quán nào cũng có Phụng-đản, có khi say đến nỗi bạ ai cũng chửi bạ ai cũng đánh, một hôm sau khi say sưa rượu chè xong Phụng-đản trở về nhà, cha mẹ chửi mắng. Phụng-Đản không lấy thế làm nhục mà hối-lỗi lại còn đối đáp lại rồi vì hơi men quá nồng, chàng đã táng tận lương tâm đánh bố mẹ và anh em, nhưng khi hối lại Phụng-đản đã định tự tử, song có người cứu thoát.

Báo chí hồi đó dăng rầm, Phụng-Đản đánh cha một cách tàn nhẫn. Phụng-đản càng thấy cái nhục cái hổĩ nó đi đôi chõng chắt lên mình thời lại càng uống lăm cho giải khuấy, nhưng càng uống càng bậy nhiều. Rồi một hôm kia vì say quá gây sự đánh lộn với một viên quan một, Phụng-Đản bị bắt, nhưng sau bởi lằm tiền nên được tha. Tha ra, Phụng Đản mới biết mình quá lằm đề đến nỗi mang nhục, sự buồn lại rồn rập. Phụng-đản đâm ra hút thuốc phiện, dần dần là một đồ đệ của thần nha-phiện. Khắp tỉnh Nam bấy giờ ai là người không biết tiếng Phụng-Đản, và Trọng-Tấn...

Thấy nhắc đến tên Trọng-Tấn lượt thứ hai, khách đặt mình nhìn lên gương mặt Hòa-thượng bấy giờ nhuộm một vẻ bi thương đầy hối hận, Hòa-thượng lại rõ ràng tiếp.

Bấy giờ Phụng-Đản và Trọng-Tấn đi đôi với nhau hết chỗ nọ tới chỗ kia, hết tiệm nọ đến tiệm kia, càng ngày càng bê tha. Sau lại đâm ra cờ-bạc. Nếu nói đến đánh bạc thời thua ông, chắc ông cũng hiểu người ta sẽ đặt Đản nhất Tấn nhì, có khi một tối thua đến một nghìn vài trăm là ít, cái gia tài của bố mẹ chia cho chẳng mấy chốc đã tiêu ma, rồi đến thước đất cũng không còn, vay nợ chõng chắt, Phụng-Đản bấy giờ mới hối. Nhưng sự đã rồi, anh em bè bạn hết chỉ trợ có một thân mình, còn Trọng-Tấn từ khi đó cũng vắng mặt Hà-thành. Bà con Hà-nam thấy Phụng-Đản bấy giờ lẻ loi, cả ngày lang thang khắp đó đây dần dần trở nên một tên dăng tử ai thấy cũng phải kinh...

Nói đến đây Hòa-thượng ngừng lại, vị khách vẫn chăm chú nghe như một tín đồ đang nghe bởi thuyết pháp của vị bồ tát. Tỉnh-trần hòa-thượng lúc bấy giờ đôi mắt sáng hẳn lên, hàm răng đều khể cười lên một tiếng như chút nỗi thương tâm của con người xấu số, khách vẫn cúi đầu yên lặng, Hòa-thượng nói : Cách đó ít lâu bà con tỉnh Hà-nam thấy vắng mặt

Phụng-Đản, ai cũng ngờ Phụng-Đản đã chết mất rồi. Nào có biết đản trong một cái chùa vùng Hưng-hóa trên sườn ngọn Thái-Hùng sơn, sư cụ chủ trì chùa ấy một hôm thấy có người vào chùa xin ở. Nhìn gương mặt người ấy có vẻ phượng phi và xem như đã dẫn thân trên con đường tục lụy đầy trụy lạc, sư cụ động lòng thương cho vào ở ít lâu rồi thế phát nguyện đem dầu nung nhờ cửa Phật. Mấy năm sau người ấy lần lần từ sư bác đến sư ông đặng học đạo lên tới cõi uyên thâm rồi sư cụ mất, sư ông kế lên làm Hòa-thượng, hòa-thượng ấy, thưa ông là Phụng-Đản, là Tinh-trần và... là... là người kể truyện trước mặt ông đây...

Khách sừng sốt nhìn lên gương mặt hòa-thượng lúc ấy một vẻ buồn rầu vô hạn hại hàng lệ lăn trên gò má sạm đen, khách cau mày kinh-cần thưa :

Vậy thời bạch Hòa-thượng ngài là Phụng-Đản thời ngài có còn nhớ Phan-trọng-Tấn bấy giờ lưu lạc nơi nào chăng ?

Quắc mắt, Hòa-thượng mỉm cười :

Trọng-Tấn đang lưu lạc, và tối nay đến ngủ trọ chùa Vân-Khánh đây ? Người ngồi trước mặt tôi là Trọng-Tấn là bạn tôi ! Ôi ! Sao bạn lại vờ vĩnh làm gì thế cho phiền...

Vị khách ấy tức là Trọng-Tấn gục đầu xuống rõ thẳm trên lấm vãi náu vài hàng lệ nóng rồi lặng lẽ nhìn nhau đưa linh-hồn lên cõi mơ hồ huyền. Áo... nói bằng một giọng thản thừ bi thương :

Có ai ngờ ! Có ai ngờ ! Anh đã thoát-ly ngoài vòng tục lụy. Thế mà còn tôi ...

THỜI SỰ

TIN HỘ NIỆM

Cụ bà Hà-thị-Bách, chánh thất Phu-nhân Cụ Lớn Vi-vấn-Định, Tổng-đốc Hà-đông, Phó Hội-trưởng hội Phật-giáo Bắc-kỳ tạ thế tại dinh Tổng-đốc Hà-đông ngày 24 tháng 11 ta (14-1-39). Năm nay Cụ bà thọ 60 tuổi. Chư lão ban Hộ-niệm ở Hội quán chùa Quán-sứ đã vào

tụng kinh cầu siêu độ cho người tởi ngày 25. Sáng ngày 27 tang gia đã đưa linh cữu Người về quê quán Bảo chu, Lạng-sơn. Vậy đồng-nhân hội Phật-giáo và Đuốc-Tuệ có lời cầu nguyện Người siêu sinh Tịnh-độ. — Lại chi hội Phật giáo Thái-bình thì hội Tín-lão cũng làm lễ cầu siêu độ cho Cụ Bà. Vì ở chùa Kỳ-bà, khi Cụ lớn ông làm Tổng-đốc tỉnh Thái-bình, Cụ Bà đã làm nhiều việc công ích, đứng trưởng ban cứu-tế, làm chủ hội Tín-lão.

Lễ khánh thành chi hội Phật-giáo

Cung thuận Sơn tây

Ngày 18 tháng 11, ban Trung-ương hội Phật-giáo đi chứng kiến lễ thành lập chi hội Cung-thuận, huyện Tùng-thiện, Sơn-tây. Phái-bộ có Sư cụ Cồn, Cụ cử Dương-bá-Trạc, cụ Lê Toại, ông Tham Giáp Hội quán chi hội này đặt tại chùa làng Cung-thuận. Chi hội có mời các quan lĩnh Sơn-tây là quan Công-sứ, quan Giám binh và quan tuần-phủ Từ-hộ Thực, quan huyện Tùng-thiện Đào-lập-Kỷ về chứng lễ. Tuy là nơi nhà quê mà các chức viên trong ban trị-sự Cung-thuận đều là người lịch thiệp nên lễ khánh thành và hoan nghênh các quan khách rất là diễm nhã.

Cụ lớn Nguyễn-văn-Bân, Chánh Đại-lý chi hội Phật-giáo Sơn tây đã giúp cho chi hội Cung-thuận việc lập hội, Ngài với các viên chức chi hội Phật lĩnh Sơn tây đều đã về chứng lễ, trước khi Trung-ương tới. Chức viên chi hội Bách lộc thuộc hạt Sơn tây cũng đến tới dự lễ.

Ban Trung-ương về tới nơi, giáo hữu ra đón tiếp rất vui vẻ, thập phương thiện tín già trẻ giai gái đứng đông nghìn nghịt Vào lễ Phật xong, quan khách ngồi yên, viên chức chi hội Cung Thuận đọc chúc từ đoạn, Cụ Cử Dương đứng lên thuyết pháp cho giáo hữu nghe, Cụ nói về « ng ũ giới » và lễ « lục phương », giáo hữu rất là hoan-hỉ. Rút lời thì ông Tnam Giáp đứng lên dịch lời cụ Cử ra tiếng tây nói để các quan tây nghe. Các quan cảm ơn và tỏ ý khen đạo Phật là đạo chân chính.

Ảnh-hưởng đạo Phật với việc làng của chi Bách-lộc

Xét ra chi hội Phật-giáo Bách-lộc, Sơn-tây, đã cảm-hóa được đạo Phật thiết thực với dân sinh mà bấy nay Đuốc tuệ bỏ hào tức như « câu chuyện đạo Phật với việc làng », thì mấy xã ở chi hội ấy đã thực hành cải cách được nhiều việc tương ân đáng khen ngợi. Bởi vậy Đuốc tuệ biểu chương ra đây để khuyến khích các bậc đàn anh giáo hữu ở nhiều nơi khác.

Li cũng phân nân cho cái « nợ miệng ở thôn quê nhất là lúc cha mẹ, tañn-nhân tạ thế, mà ít ai chịu đương đầu cải cách. Chịu ảnh hưởng « đạo Phật với việc làng » của Trung ương đề xướng, chi hội Bách-lộc đã có hai làng thực hành được « lễ tang » một cách triệt để là làng Kỳ úc và Bách lộc Thượng-thôn Tây-giáp. Trước đây lễ tang hai làng này rất là nặng nề. Nhà nào có cha già mẹ héo, một lễ tang ít ra cũng phải hai ba trăm bạc, cùng quá cũng phải năm bảy chục. Không thì phải tròn dẫu điểm súi số con cháu đeo cái nợ miệng ấy với làng, chịu sỉ nhục mỗi mõi. Cho nên mỗi khi có một người quá cố mà nhà nghèo là tiếp ngay cái tin bán nhà, bán đất, bán con gái con gái. Tình trạng đáng thương. Nay hai làng, dân anh quyết nghị theo đạo Phật, cấm « xát sinh » trong khi tang hiếu. Phe giáp chỉ chứng giầu nước mà đưa cất đủ cả đồ tương sự linh đình, lại có ban hộ niệm đi đưa cầu nguyện cho vong linh siêu độ. Tổng mặc thấy thế đều ngợi khen. Việc cải cách này trực tiếp vào hương lệ chứ không phải chỉ từ những người có Hội Phật giáo, các địa phương khác, nên theo gương giáo hữu Bách lộc mà thực hành trừ cái tệ đám, ma nặng nề hủ bại cho dân làng, ấy là một sự bổ thí, một sự cứu khổ rất lớn và thực hiện hơn hết.

Cái hại lâu uống ở nhà tang, không những hại về tiền của lại còn cái hại về vệ sinh đáng ghê sợ nữa. Như lời ông Thư ký chi hội Bách-lộc thuật lại rằng ở làng Thuần-nghe, Sơn tây, vì ăn cỗ ở một đám tang,

bị thịt một con trâu có bệnh truyền nhiễm, dân làng soi vào, vẽ chệt đến hơn 100 mạng. Ôi ! một cái báo ăn hại nhau thế gồm ghê. Vậy đem lời ấy phụ theo bài này để làm gương cho đám « quan viên sói thịt » trong hương thôn.

Những tin lạ Thế-giới

1. Lẽ thường, mắt mù thì không trông thấy gì, không trông thấy gì thì còn biết gì mà làm được gì. Nhưng theo lẽ của nhà Phật thì lục căn là những cửa sổ mà tâm vương là người ngồi trong nhà. Cái cửa sổ nó tuy đóng còn một cái khác người trong nhà vẫn đủ khiến cho trí-tuệ suy xét ngoại cảnh như thường. Không thể sao hiện nay có hai cái tin người mù mà linh sảo dị-kỳ, làm kinh ngạc cả thế giới. Hai người ấy là :

a) Ông **Đỗ-trọng Dụng**, người Việt-nam, mù từ lên 3 tuổi, hiện nay ông ngụ ở phố Khâm-thiên, số 107. Được Tuệ số trước đã đăng cuộc thi đồ sáng chế ở nhà Bảo-tàng Hội chợ Hanoi, có một cái máy nhỏ súp-de nhỏ do một người mù làm ra, tức là ông **Đỗ-trọng-Dụng** đó. Máy ấy đã được bằng khen và thưởng tiền. Ngày 18 Janvier 1939, do Quan Khâm-sứ Trung-kỳ cho phép, ông **Dụng** đã mang các thứ máy vào bày ở hội chợ ở Phong-ý, Thanh-hóa. Ông còn chế được bộ tam-cúc mới cho người mù đánh, và còn nhiều máy khác mà vì ít tiền nên chưa thực hành ra được.

b) Cô **Gregory**, người Mỹ mù từ năm lên 6 tuổi, thế mà nay cô 36 tuổi, đánh máy chữ nhanh nhất hoàn cầu, mỗi ngày đánh được 100 bức thư, mỗi bức 3, 4 trang chẳng có chỗ nào sai lạc. Nhất là việc vừa đây, cô Gregory cưỡi máy bay luôn 15 ngày đi chơi khắp các thành-thị lớn nước Mỹ mà cô đều cảm biết được những cảnh-trí trong các nơi ấy.

TIN TRONG NƯỚC

Với gạch Hương-sur

Số trường sơ-đẳng và kiếm bị.edu ít lắm, không đủ cho trẻ con các làng trong hạt đến học. Chính-phủ đã thiếu tới cái nạn thất-học ấy, nên nay đã để ý đến gạch

Hương-sư là những người gõ đầu trẻ từ đồng ruộng đến sơ đẳng ở các làng. Lương bổng của một viên Hương-sư lâu nay mỗi tháng chỉ có 10p. Do làng cung cấp. Nay Quan Thống-sứ định tăng cho mỗi tháng là 12p.50 và cho các làng tự tìm lấy thầy, miễn là có bằng sơ-học hoặc Tiểu-học Pháp-việt rồi gửi đơn trình-triệu đề quan trên biết mà thôi.

Hạn xin phép làm nhà

Việc xin phép làm hoặc chữa nhà cửa, nhất là ở các tỉnh thì rất phiền-phức cho các chủ nhà. Có khi đơn gửi đi đến 4, 5 tháng chưa được giải lời. Nay các quan Công sứ các tỉnh quyết định việc xét đơn cho phép một cách rất nhanh chóng. Từ khi nhận được đơn xin chữa hoặc làm nhà gửi về tòa sứ, hạn chỉ trong một tháng là có kết quả ưng cho hay là bác đi, để tránh cho dân khỏi chờ đợi lâu ngày.

Số thu của công quỹ Bắc-kỳ năm 1938

Trong tháng Décembre, số thu về các khoản chính như thuế đòan, thuế chước-bạ và tiền của sử Bưu-điện chính tất cả là : 8.232.314p.

Tính đến ngày 31 Décembre 1938, số thu trong năm 1938 được là : 82.454.867p- chia ra như sau : Thuế đòan là : 65.525.896p. Thuế chước-bạ là : 11.181.191p Thuế bưu-chính là : 5.747.775p.

Lợi vận tải hàng hóa cho Tàu của xứ Bắc kỳ

Độ này cái lợi vận tải hàng hóa cho Tàu qua xứ Bắc-kỳ thu được không phải nhỏ. So tháng Décembre năm 1938 với tháng ấy năm 1937 thì tăng lên đến 119 /.

Nay có lệnh bên bộ thuộc-địa tư không cho nhận hàng hóa của Tàu vào Hải-phòng và cho qua Bắc-kỳ nữa. Vì tiếc số thu nhập ấy, Hải-phòng thương mại Hanoi, Hải-phòng đã xin quan Toàn-quyền trình bày cái lợi ấy về bên Pháp cho, cho khỏi thiệt hại.

VIỆC THẾ-GIỚI

Việc nội-loạn Tây ban nha

Độ này quân phái Quốc-gia thắng luôn nhiều trận lớn.

Tin ngày 13 Janvier của Đức nói quân Quốc-gia thắng ở Catalogne, không những quân Chánh-phủ bị thiệt lợi 60.000 lính tinh-nhuệ nhất, mà đến cả những cơ-quan, những công-cuộc phòng ngự của Chính-phủ đều bị lung lay dữ. Quân Chính-phủ ở miền núi Agre rất nguy. — Vì cái vấn đề phái Quốc-gia của Franco do Ý giúp mà thắng tức là Ý thắng. Ý thắng tức là một sự đáng lo ngại cho Pháp, nên ở Nghị-viên Pháp nay đang tranh luận kịch liệt về vấn đề Tây ban nha. Phái tả thì quyết giúp bên Bình dân, phái hữu thì nói nên cho sự sang thông hiểu với Franco cho khỏi hiềm khích. Nhưng hôm nay vẫn chưa quyết nghị.

Việc Pháp Ý hãm-hè

Việc hai nước Pháp Ý tuy ngày càng nhiều điều trốch mẽch, nhưng Ý thì vẫn đề phòng. Tin Rome ngày 21, một tờ tuần báo chính trị của Ý là « Relazioni Internazionali » lại đòi « những nguy hại vọng của Ý » cho « người Pháp là kẻ đại thù của mình » và nói Ý không sợ chiến tranh, dù cuộc chiến tranh lâu hay chóng, ở một xứ hay lan khắp hoàn cầu. Học sinh Ý lại bêu tình đòi Corse Tunisie và Djibouti. — Còn về phần Pháp thì vẫn sửa sang binh mã diển tập Hải-quân. Chưa biết bề Địa trung hải có được sóng yên "gió tạnh, cho dân hai nước được cùng hưởng phúc hòa bình hay không.

Việc trung Nhật triển tranh

Liên mấy hôm nay, Nhật cho Tàu bay ném bom xuống các tỉnh Hồ-nam, Quảng-tây, thiểm tây và Quảng-dông rất dữ. Thành Tây an và con đường vận tải do Nga sang, đều bị ném bom tàn phá ngày Janvier, máy bay Nhật ném xuống Tây-an 80 quả có 200 người vừa chết vừa bị thương, 300 nóc nhà bị tan nát. Tin Đông kinh nói vì bị bom tàn phá, chính phủ Thiểm tây ở tây an phải đã dời, cả sang Thiểm-thủy và phía đông Cam-túc. Nhật định ra lệnh động viên ở ba tỉnh Giang-tô, Chiết-giang và An-huy, lấy trong năm 1939 ít nhất là 1.350.000 giait tráng người Tàu ra lính để đánh quân Du-kích Tàu. Về mặt bề thì tàu binh

QUI TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI
CÔNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA
TRUNG ƯƠNG

(tiếp theo)

M. Họ quang Thái tức Thông, xã tuy lộc, sơn tây	2\$00
Nguyễn văn Quỳnh xã Tuy-lộc, Sơn-tây	1.00
M. Khuất văn Hòe, xã Tuy lộc Sơn tây	1.00
M. Hạ văn Tinh, xã Tuy lộc Sơn tây	0.50
M. Nguyễn gia Chúc xã Cung thuận Sơn tây	4.00
M. Nguyễn hữu Da xã Sơn vi Sơn tây	1.00
M Nguyễn đức Thâm xã Cung thuận, Sơn tây	0.50
Mme Hạ thị Cư, Cung thuận Sơn tây	0.30
M. Nguyễn đức Chi, xã Cung thuận, Sơn tây	0.10
M. Đoàn công Cận Chánh đại lý chi Cung thuận Sơn tây	2.00
M. Nguyễn gia Sửu, Chánh-hội xã Cung thuận Sơn tây	1.00
M Nguyễn viết Triện, xã Cung thuận Sơn tây	1.00
M. Kiều Thâm, Chánh xuất đội, xã Cung thuận Sơn tây	1.00
M. Nguyễn gia Vinh, Phó đại lý chi Cung thuận Sơn tây	0.50
M. Nguyễn huy Văn, thư ký chi hội Cung-thuận Sơn tây	0.30
M. Nguyễn hữu Quang, phó thư ký chi Chung thuận Sơn tây	0.40
M. Nguyễn gia Hoàn, lý trưởng Cung thuận Sơn tây	1.00
M. Nguyễn văn Dinh, Chánh hội Cung thuận Sơn tây	1.00
M Nguyễn viết Trọng, trưởng bạ Cung-thuận Sơn-tây	1.00
Mme Nguyễn thị Suối, xã Cung-thuận Sơn-tây	1.50

(còn nữa)

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre
biên-bản hội đồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937 thì
hội viên trong hội điều cúng góp mỗi vị một đồng
100 đề lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin dâng phương danh các vị hội viên chi hội
Hưng-yên đã cúng góp lên báo chương đề các
hội viên, thập-phương chứng giám.

Các ông : Nguyễn chu Sĩ, Phạm huy Hợp, Cao đức
Bà Nguyễn thị Dân

Danh sách Tăng. Ni chi hội Mễ-sở

Các ngài : Sư ông Nguyễn kể Bình, Sư ông Nguyễn
Đại, Sư cụ Lê văn Đệ, Sư ông Nguyễn văn Ước,
ông Nguyễn thanh Dũng, Sư thầy Đoàn Tuyết, Sư thầy
Đa làng Phú Trạch.

Chi hội Hạ Địch-nhị Vạn Hãđông

Các ông : Nguyễn tiến Hựu, Nguyễn tiến Hỷ, Nguyễn
Ngũ, Nguyễn quang Thông, Nguyễn tiến Luận,
yến đăng Vển. Các bà : Hoàng thị Núi, Vương thị Việt,
yến thị Tư.

KÍNH CAO CHƯ PHƯƠNG

Các sư ở Hanam Nam-định, Thái-bình có hỏi chúng
rằng : « gần đây thấy có một người mặc áo thám
lưng vạt, quần trắng nói tiếng Nam kỳ thường thường
các chùa có chỗ thì nói là hội Phật-giáo phái đi
n-sát các nơi, có chỗ lại kêu là bị mất cắp vào xin
cho ít không lấy, ăn nói rất hoạt bát, vậy người ấy
quả là Hội phái đi không ? - Xin trả lời đề các vị
giống biết hội không có cử người như thế đi giáo bao
có lẽ là kẻ nào, ăn mặc giả sư lại mượn tiếng hội
ng. Vậy từ nay vị nào thấy vào đâu hành động như thế
báo ngay cho nhà chức trách đề tra xét xem thực hư
mang tiếng hội và tăng giá.

Đuốc-Tuệ

HỢP THU

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

Ngô thị Ngỗi Sadec	1.50
Nguyễn văn Lãm Phnom-Penh	3.00
Ngô văn Du Trà-vinh	1.50
Hoàng tiến Hoa Hảidương	1.50
Vũ thông Lợi Hảidương	1.50
Trần văn Long Nam định	0.50
Vũ đình Hsinh LuangPrabang	3.00
Trương trọng Nghĩa Bắcninh	1.50
Thanh ngọc Duyên Yên Bái	1.50
Nguyễn văn Phúc Namđịnh	1.50
Vũ đình Đích Đáp-cầu	1.50
Cao văn Tuyển yên bài	2.50
Tiết kim Bằng Hưngyên	1.50
Võ khắc xương Phan Thiết	3.00
Phan văn Triều Bắc-liêu	2.00
Phan văn Cử An Nhơn Bến tre	3.00
Lý xuân Hòa Saigon	1.50
Võ văn Khoa Trà vinh	1.50
Phạm văn Kim Nam định	3.50
Cao văn Tuyển Yên bài	2.50
Phc Soieries Nam định	2.00
Phúc Soieries sstate Nam định	1.50
Nguyễn văn Tỷ Đồng sơn gò công	3.00
M. Bút Sơn tây	1.50
Trần xuân Tích Tourcham	3.00
Lê văn Ân Bắc ninh	1.50
Mme Phan Nhung Thủ đầu một	2.00
Mme Tài Bến tre	1.50
Tiết kim Bằng Hưng yên	1.50
Dương minh Châu Huế	0.80
Vũ đình Đích Đáp cầu	1.50
Nguyễn văn Đuọc	2.00

Chúng tôi rất cảm ơn các ngài đã giả liên báo Đuốc tuệ, và xin nhắc các vị chưa giả xin gửi về giả cho tiện việc sổ sách cảm ơn.